UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CẦN ĐƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100105870-010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11/04/2004, thay đổi lần thứ sáu ngày 12/07/2010

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 57/ĐKCB do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 10 năm 2013)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày: / /2013

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN - SJD

Trụ sở chính: Thị trấn Thanh Bình, Huyện Bù Đốp, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0651.3 563 359 **Fax:** 0651.3 563 133

Website: www.candon.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 6868 **Fax:** (84-4) 3772 6131

Website: http://www.kls.vn

Chi nhánh TP.HCM: Lầu 2, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Q.3, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3823 3923 **Fax:** (84-8) 3827 7380

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Đồng Văn Tâm Số điện thoại: 0651. 3 563 375

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100105870-010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11/04/2004, thay đổi lần thứ sáu ngày 12/07/2010)

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
3. **Tỷ lệ chuyển đổi:**
   - RHC : SJD = 1: 1 *(Nghĩa là, 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II đổi lấy 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn).*
4. **Tổng số lượng phát hành:** **5.120.000** *(Năm triệu, một trăm hai mươi nghìn)* cổ phiếu.
5. **Tổng giá trị phát hành *(theo mệnh giá)*: 51.200.000.000** *(Năm mươi mốt tỷ, hai trăm triệu)* đồng

ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH/TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3772 6868 Fax: (84.4) 3772 6131

Website: www.kls.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84.4.8241990/1 **Fax:** 84.4.8253973

Website: www.aasc.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 5
1. Rủi ro về kinh tế 5
2. Rủi ro về luật pháp 6
3. Rủi ro đặc thù 6
4. Rủi ro của đợt phát hành 7
5. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu 7
6. Rủi ro tái cấu trúc 8
7. Rủi ro khác 8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 9
1. Tổ chức phát hành 9
2. Tổ chức tư vấn/ Đại lý phát hành 9
III. CÁC KHÁI NIỆM 10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 11
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty 12
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại 16
4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành 17
5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty 17
6. Hoạt động kinh doanh 17
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất 22
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 22
9. Chính sách đối với người lao động 27
10. Chính sách cổ tức 28
11. Tình hình tài chính 29
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng 33
13. Tài sản 46
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 47
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 49
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành 49
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc phát hành cổ phiếu 49
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI - CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN RY NINH II 50
1. Quá trình hình thành và phát triển 50

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty 51
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại 55
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành 56
5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty 57
6. Hoạt động kinh doanh 57
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất 61
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 63
9. Chính sách đối với người lao động 65
10. Chính sách cổ tức 66
11. Tình hình tài chính 67
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng 70
13. Tài sản 81
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của RHC: không có 82
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành: không có. 82

VI. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH 83

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn 83
2. Loại cổ phiếu: phổ thông 83
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần 83
4. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành 83
5. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 83
6. Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2013 - 2014 83
7. Tỷ lệ chuyển đổi 83
8. Đối tượng chuyển đổi 83
9. Phương thức phân phối 83
10. Thời gian và lịch trình thực hiện phân phối cổ phiếu 83
11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài 84
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng 84
13. Cam kết tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2005 về sáp nhập và sửa đổi Điều lệ sau sáp nhập theo đúng quy định hiện hành và các quy định của Luật cạnh tranh 84
14. Các loại thuế có liên quan 85

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 87

VIII. VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT SÁP NHẬP 89

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH 90

X. PHỤ LỤC 91

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh điện *(thủy điện)* nên chịu tác động chủ yếu từ sự thay đổi của yếu tố thời tiết. Ngoài ra, là một công ty cổ phần hoạt động trong nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tăng giảm tốc độ tăng trưởng GDP, biến động của lạm phát hay thay đổi trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các rủi ro khác trong ngành.

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam đang trải qua giai đoạn hết sức khó khăn. Rất nhiều bộ phận của nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài từ năm 2008 đến nay. Tuy nhiên, về cơ bản, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành thủy điện ít chịu tác động từ chu kỳ của nền kinh tế mà chủ yếu phụ thuộc vào các điều kiện thời tiết, độ ổn định của các nguồn nước. Lưu lượng, độ ổn định của nguồn nước thiên nhiên cùng với điều kiện thời tiết mới là những yếu tố chính quyết định tới sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Do đó, rủi ro về chu kỳ kinh tế đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn là không đáng kể.

Rủi ro về lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng so với cùng kỳ năm 2011 đã giảm mạnh từ mức 17,27% trong tháng 1 năm 2012 xuống còn 6,81% trong tháng 12 năm 2012, chỉ số giá bình quân năm 2012 so với bình quân năm 2011 đạt mức 9,21%. Việc kiềm chế tốt lạm phát, tiếp tục là điều kiện để Chính phủ thúc đẩy việc giảm mặt bằng lãi suất, giảm bớt gánh nặng tài chính cho các doanh nghiệp, hỗ trợ tốt hơn cho việc luân chuyển vốn, giảm tình trạng hàng tồn kho cao trong nền kinh tế.

Chỉ số giá tiêu dùng các tháng trong năm 2012 so với cùng kỳ năm trước

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tuy nhiên, cũng như những phân tích nêu trên về đặc thù hoạt động của Công ty, có thể thấy Công ty ít chịu tác động bởi biến động của lạm phát đến hoạt động sản xuất kinh doanh điện thương phẩm của Công ty. Do vậy, rủi ro về lạm phát đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Cần đơn là không đáng kể.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Hiện tại, Công ty có hai khoản vay lớn bao gồm Hợp đồng vay có giá trị hơn 59 tỷ với Tổng Công ty Sông Đà *(lãi suất thả nổi)* và Hợp đồng vay có giá trị hơn 104 tỷ với Ngân hàng ADB *(vay thông qua Tổng Công ty Sông Đà) (lãi suất LIBOR + chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo).* Như vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng nhất định từ việc biến động lãi suất trên thị trường.

2. Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân… Tuy nhiên, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, do đó các luật và văn bản dưới luật này sẽ có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ có thể gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn luôn tiếp cận sớm và tham khảo các chính sách, văn bản mới nhất nhằm triển khai thực hiện theo đúng các quy định pháp lý, hạn chế rủi ro về pháp lý có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Đối với các nhà máy thủy điện, công suất vận hành của nhà máy phụ thuộc vào lượng nước mưa để tích nước cho hồ chứa, tức là phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện khí hậu thời tiết. Trường hợp hạn hán kéo dài làm cho trữ lượng nước trong hồ chứa thấp sẽ ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra thiên tai cũng gây ra thiệt hại, sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Nhà máy thủy điện Cần Đơn của Công ty nằm trên địa bàn tỉnh Bình Phước, thuộc vùng Đông Nam Bộ. Khí hậu Bình Phước mang tính chất nhiệt đới gió mùa điển hình, phân chia làm hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 tới tháng 10, mùa khô từ tháng 11 tới tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình hàng năm 2110 mm. Do nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu, cận xích đạo nên nhiệt độ trung bình hàng năm khá cao từ 25,6^{o}C đến 27,3^{o}C.

Trong vài năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, điều kiện thời tiết ở khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nguyên diễn biến theo xu hướng không thuận lợi cho hoạt động của các nhà máy thủy điện. Các tỉnh Đông Nam Bộ như Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Dương, Bình Phước...thường xuyên đối diện nguy cơ xảy ra hạn hán trầm trọng và kéo dài. Mùa mưa thường kết thúc sớm; mùa khô ít có những cơn mưa trái mùa. Nhiệt độ trung bình các năm đã tăng tương đối cao. Tại Bình Phước, nhiệt độ trong mùa khô có thể lên đến 38°C-40°C. Những diễn biến bất lợi về thời tiết nói trên sẽ gây nhiều khó khăn cho

hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy thủy điện Cần Đơn, đòi hỏi nhà máy phải nắm vững được tình hình dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo suất tiêu hao nước/1KWh là thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng cần phải thực hiện các biện pháp phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đê đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Rủi ro của đợt phát hành

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II. Theo phương án sáp nhập đã được ĐHĐCĐ của các bên thông qua, RHC sẽ sáp nhập vào SJD bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu. Do đó đợt phát hành này của SJD sẽ không có rủi ro về việc không phát hành hết số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành.

5. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):

Đối với đợt phát hành để hoán đổi cổ phiếu đợt này của SJD, mặc dù Tỷ lệ hoán đổi cổ phần giữa giữa SJDvà RHC đã được tính toán một cách hợp lý dựa trên giá cổ phiếu của hai công ty. Tuy nhiên, Nhà đầu tư cũng cần lưu ý rằng lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SJD. Do vậy, có thể sẽ làm thay đổi EPS của cổ phiếu SJD. Cụ thể:

- Tổng số cổ phiếu đăng ký phát hành: **5.120.000** cổ phiếu;
- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

- Giả sử, số lượng cổ phiếu phát hành thêm được đưa vào lưu hành bắt đầu từ tháng 12/2013, số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2013 được tính như sau:

$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{(35.879.150*11) + (40.999.150*1)}{12} = 36.305.816 \textit{ (cổ phiếu)}$$

Sự thay đổi EPS của cổ phiếu SJD như sau:

Chỉ tiêu	Trường hợp không phát hành cổ phiếu để hoán đổi	Trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi	Tăng/ giảm (%)
Lợi nhuận sau thuế năm 2013 (đồng)	112.235.000.000	125.985.000.000	12,25

Chỉ tiêu	Trường hợp không phát hành cổ phiếu để hoán đổi	Trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi	Tăng/ giảm (%)
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2013 *(cổ phiếu)*	35.879.150	36.305.816 [1]	1,19
EPS (đồng/ cổ phiếu)	3.128	3.470	10,93

Như vậy, với kế hoạch lợi nhuận sau thuế *(sau khi đã sáp nhập)* tăng lên do lợi ích cộng gộp đem lại từ việc sáp nhập, EPS của Công ty sẽ tăng lên và rõ ràng theo kế hoạch này thì ***không có rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần***.

Thị giá (giá giao dịch) của cổ phiếu SJD:

Số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn trước khi sáp nhập là 35.879.150 cổ phiếu. Công ty dự kiến phát hành thêm 5.120.000 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II, tỷ lệ số cổ phiếu phát hành thêm bằng 14,27% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Do cổ phiếu phát hành thêm được sử dụng để hoán đổi cổ phiếu thực hiện việc sáp nhập nên thị giá cổ phiếu SJD không bị điều chỉnh giảm trên sàn.

6. Rủi ro tái cấu trúc

Bên cạnh những rủi ro gặp phải được liệt kê ở trên, hoạt động sáp nhập còn tiềm ẩn những rủi ro và thách thức như sau:

- Thị giá của SJD có thể bị ảnh hưởng: Do số lượng cổ phiếu SJD được phát hành để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II nên không bị điều chỉnh giảm về giá giao dịch khi thực hiện chốt danh sách phân bổ cổ phần. Tuy nhiên, xét về bản chất khi số lượng cổ phiếu giao dịch tăng lên (*tăng 14,27% so với trước phát hành)* sẽ có thể ảnh hưởng đến thị giá giao dịch của cổ phiếu SJD trên thị trường.
- Những giá trị cộng hưởng thực tế mang lại sẽ không đạt được như kỳ vọng ban đầu của ban lãnh đạo công ty cũng như cổ đông các bên.
- Quyền biểu quyết: Quyền biểu quyết của Cổ đông hiện hữu của SJD sẽ bị giảm do số lượng cổ phần phát hành thêm để hoán đổi cổ phần đợt này không phát hành cho cổ đông hiện hữu. Do đó, tỷ lệ cổ phần sở hữu của cổ đông SJD sau phát hành sẽ giảm xuống, do đó quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm xuống tương ứng.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu có xảy ra có thể gây ảnh hưởng đến quá trình xây dựng dự án như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

[1] *Dự kiến việc phát hành cổ phiếu SJD để hoán đổi hoàn thành trong tháng 11 năm 2013.*

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN *(SJD)*

Ông:	**Nguyễn Văn Sơn**	-	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông:	**Mai Ngọc Hoàn**	-	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông:	**Đồng Văn Tâm**	-	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà:	**Nguyễn Thị Tuyết Mai**	-	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn/ Đại lý phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG *(KLS)*

Ông:	**Phạm Vĩnh Thành**	-	Chức vụ: Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 308/2011/UQ-KLS của Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán Kim Long.

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BKS	:	Ban kiểm soát
BTGĐ	:	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
DT BH&CCDV	:	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
DTT	:	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
HNX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HSX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
KLS	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Kim Long
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
NLC	:	Mã cổ phiếu/tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi
RHC	:	Mã cổ phiếu/tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II
SJD	:	Mã cổ phiếu/tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
Thủy điện Cần Đơn	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
Thủy điện Nà Lơi	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi
Thủy điện Ry Ninh II	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II
TTLKCKVN/VSD	:	Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TDT	:	Tổng doanh thu
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
VĐL	:	Vốn điều lệ
Việt Nam	:	Nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam
VNĐ	:	Đồng Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung

Tên công ty	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**
Tên Tiếng Anh	:	CAN DON HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY
Trụ sở chính	:	Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
Điện thoại	:	0651.3563359 Fax: 0651.3563133
Website	:	www.candon.com.vn
Giấy CNĐKKD	:	0100105870-010 đăng ký lần đầu ngày 11/04/2004, thay đổi lần thứ sáu ngày 12/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp
Vốn điều lệ	:	**358.791.500.000** *(Ba trăm năm mươi tám tỷ, bẩy trăm chín mươi mốt triệu, năm trăm nghìn)* đồng
Tài khoản số	:	102010000293613
Tại	:	Chi nhánh Ngân hàng Công thương tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Đào tạo cán bộ công nhân viên vận hành nhà máy thủy điện;
- Thí nghiệm và hiệu chỉnh thiết bị điện.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn được thành lập theo quyết định số 1331/QĐ-BXD ngày 17/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty BOT Cần Đơn thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần.

Trong giai đoạn từ khi thành lập Công ty BOT đến khi nhà máy đi vào vận hành Công ty chỉ tập trung vào nhiệm vụ chính là quản lý, tổ chức thi công công trình thủy điện Cần Đơn, theo ủy quyền của Tổng Công ty Sông Đà. Kể từ ngày 11/10/2004 Công ty chính thức đổi thành Công ty Cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Ngày 24/09/2004, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập và ngày 11/10/2004 Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4403000032 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp. Ngày 12/07/2010, Công ty thay đổi lần thứ sáu Giấy CNĐKKD với mã số Giấy CNĐKKD 0100105870-010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2005, Công ty đã xin ý kiến và được ĐHĐCĐ thông qua việc đưa cổ phiếu của Công ty niêm yết tại trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh *(nay là*

Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh) vào ngày 25/12/2006.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ không quá 5 năm thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp của

các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại điều lệ.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh; chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

CÁC PHÒNG BAN, PHÂN XƯỞNG CHỨC NĂNG CỦA CÔNG TY

Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Tổ chức - Hành chính có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty trong công tác Tổ chức - cán bộ; lao động, tiền lương và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động; công tác hành chính quản trị, bảo vệ, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.

Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Phòng Kinh tế - Kế hoạch có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong công tác kế hoạch, kinh tế.

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý kinh tế tài chính, công tác kế toán và hạnh toán kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế tài chính của công ty.

Phòng Kỹ thuật - Công nghệ

Phòng Kỹ thuật - Công nghệ có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty trong công tác quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất; công tác sửa chữa lớn thiết bị công nghệ của nhà

máy và xử lý các sự cố đặc biệt; công tác kỹ thuật an toàn bảo hộ lao động, phòng cháy chữa cháy, phòng chống lụt bão.

Phân xưởng vận hành

Phân xưởng Vận hành có chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý vận hành an toàn, kinh tế các máy móc, thiết bị công nghệ của Nhà máy thủy điện Cần Đơn phù hợp với Quy trình phối hợp vận hành nhà máy trong Hệ thống điện quốc gia nhằm khai thác có hiệu quả nhất các điều kiện sản xuất để phát huy công suất, sản lượng điện theo kế hoạch sản xuất hàng ngày, tuần, tháng, quý, năm của Công ty.

Phân xưởng sửa chữa

Phân xưởng sửa chữa có chức năng giúp Tổng Giám đốc trong lĩnh vực sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị toàn Công ty nhằm khôi phục tính năng kỹ thuật, phát huy cao nhất hiệu quả trong SXKD của Công ty.

Tổ quản lý công trình

Phân xưởng quản lý công trình có chức năng giúp Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý, theo dõi, kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống các hạng mục công trình thuỷ công Nhà máy, các hạng mục công trình kiến trúc xây dựng, hệ thống đường giao thông nội bộ, các khuôn viên.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT
TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Phụ trách sản xuất)
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(Phụ trách kinh tế)
PHÂN XƯỞNG VẬN HÀNH
PHÂN XƯỞNG SỬA CHỮA
TỔ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH
PHÒNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
PHÒNG KINH TẾ KẾ HOẠCH

Nguồn: SJD

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại ngày 20/03/2013

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ ĐKSH	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN NẮM GIỮ	TỶ LỆ NẮM GIỮ
1	Tổng Công ty Sông Đà	0100105870	Tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Hà Nội	18.298.800	51,00%
2	VIETNAM INFRASTRUCTURE HOLDING LTD	CS6896	Phòng 1703, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Hồ Chí Minh	4.621.594	12,88%
3	Vietnam Investment Limited	C00131	Phòng 1703, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Hồ Chí Minh	2.220.300	6,19%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 20/03/2013 của SJD

3.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/03/2013

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
I	**Trong nước**	**1.699**	**25.842.351**	**72,03%**
1	Tổ chức	48	19.459.242	54,24%
2	Cá nhân	1.651	6.383.109	17,79%
II	**Nước ngoài**	**115**	**10.036.799**	**27,97%**
1	Tổ chức	13	9.291.696	25,90%
2	Cá nhân	102	745.103	2,08%
	TỔNG CỘNG	**1.814**	**35.879.150**	**100,00%**

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 20/03/2013 của SJD

Cơ cấu cổ đông

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Công ty mẹ - Tổng Công ty Sông Đà

- Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Mễ Trì, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 38541164 Fax: (84-4) 38541161
- Số ĐKKD: 0100105870
- Tỉ lệ nắm giữ của công ty mẹ: **51,00%** vốn điều lệ, tương đương **18.298.800** ***(Mười tám triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm)*** cổ phiếu

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

STT	THỜI ĐIỂM TĂNG VỐN	GIÁ TRỊ VỐN TĂNG THÊM *(đồng)*	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	ĐƠN VỊ CẤP PHÉP
1	2007	60.000.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 18%, Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 12%	ĐHĐCĐ UBCKNN
2	2008	38.996.290.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%	ĐHĐCĐ UBCKNN
3	2010	59.795.210.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%	ĐHĐCĐ UBCKNN

Nguồn: SJD

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Nhà máy thủy điện Cần Đơn được khởi công xây dựng vào ngày 05/05/2000 và chính thức đi vào vận hành từ cuối năm 2003. Với công suất thiết kế 77,6 MW, số giờ sử dụng công suất lắp máy là 4.200 h/năm, sản lượng điện thương phẩm thiết kế bình quân hàng năm ở mức 292 triệu kWh.

- Địa điểm nhà máy: TT Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
- Ngày khởi công: 05/05/2000
- Ngày hoàn thành: 31/12/2003
- Ngày phát điện và hòa lưới điện quốc gia: Tổ máy số 1 ngày 20/11/2003; Tổ máy số 2 ngày 01/01/2004
- Hình thức đầu tư: BOT *(Hợp đồng BOT ký với Bộ Công nghiệp ngày 07/10/1999, thời hạn 25 năm kể từ ngày đi vào hoạt động).*
- Tổng vốn đầu tư *(đã kiểm toán)*: ~ 1.117 tỷ đồng

- Công suất thiết kế: 77,6 MW
- Công nghệ: Tuabin, máy phát *(Nga)*, thiết bị điều khiển *(Metso – Hoa Kỳ)*.
- Số tổ máy: 02
- Số giờ sử dụng công suất lắp máy: 4.200 h
- Sản lượng điện trung bình theo thiết kế: 292 triệu kWh
- Hợp đồng mua bán điện ký giữa Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà *(nay là Tổng Công ty Sông Đà)* và EVN *(1999)*: Giá bán điện cố định 0,045 USD/kWh cố định trong 25 năm *(đối với sản lượng điện đến mức bình quân 292 triệu kWh)*, giá bán điện 0,0225 USD/kWh *(đối với sản lượng điện trên mức 292 triệu kWh)*.

Sản lượng điện thương phẩm thực tế từ khi đi vào vận hành đến nay

Toàn cảnh khu làm việc của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

Hình ảnh Nhà máy thủy điện Cần Đơn đang xả tràn

CƠ CẤU DOANH THU THEO GIÁ TRỊ DỊCH VỤ

Đơn vị: triệu đồng

STT	SẢN PHẨM	NĂM 2011		NĂM 2012		6 THÁNG ĐẦU NĂM 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	286.279	99,72%	343.891	99,73%	121.559	99,64%
2	Doanh thu tiêu dùng nội bộ	792	0,28%	934	0,27%	444	0,36%
Doanh thu thuần		**287.071**	**100,00%**	**344.825**	**100,00%**	**122.003**	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2013 của SJD

Kể từ khi đi vào vận hành đến nay, Doanh thu bán hàng của SJD luôn duy trì xu hướng tăng trưởng. Sản lượng điện thương phẩm thực tế bình quân đạt 337 triệu kWh, cao hơn đáng kể so với sản lượng bình quân theo thiết kế 292 triệu kWh. Ngoài ra, SJD được hưởng lợi khá nhiều từ giá bán điện cho EVN được cố định ở mức 0,045 USD/kWh cho toàn bộ sản lượng điện thương phẩm *(trước năm 2007)*, từ năm 2007 đến nay, giá bán điện đối với mức sản lượng trên 292 triệu kWh chỉ bằng 50%, tức 0,0225 USD/kWh.

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động bán điện *(chiếm trên 99,5%).* Ngoài ra, một phần nhỏ điện sản xuất ra được dùng cho mục đích tiêu dùng nội bộ.

Doanh thu năm 2012 tăng mạnh so với năm 2011 *(tăng 20,12%)* đó điều kiện thời tiết năm 2012 có phần thuận lợi hơn năm trước, mực nước hồ chứa tại các nhà máy thủy điện ở Đông Nam Bộ trong đó có Cần Đơn luôn được duy trì ở mức thuận lợi cho việc sản xuất điện.

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP THEO GIÁ TRỊ DỊCH VỤ

Đơn vị: triệu đồng

STT	SẢN PHẨM	NĂM 2011		NĂM 2012		6 THÁNG ĐẦU NĂM 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận bán hàng	195.310	100,00%	201.823	100,00%	82.211	100,00%
2	Lợi nhuận tiêu dùng nội bộ	1	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
Lợi nhuận gộp		195.311	100,00%	201.823	100,00%	82.211	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2013 của SJD

Mặc dù trong năm 2012 giá bán điện bình quân thấp do sản lượng trên mức 292 triệu kWh chỉ được tính giá bằng 50% giá thông thường, đồng thời các chi phí tăng cao như chi phí nhân công tăng 35% so với 2011, các chi phí thuế khác như thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng cũng tăng cao nhưng Lợi nhuận gộp năm 2012 *(trên 201 tỷ đồng)* của Công ty vẫn đảm bảo tăng so với năm 2011 *(Lợi nhuận gộp năm 2012 tăng 3,33% so với năm 2011)* do yếu tố thuận lợi của thời tiết đã nêu ở trên.

Tương tự như với doanh thu, tỷ trọng Lợi nhuận bán điện của Công ty chiếm chủ yếu trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty *(gần 100%).*

6.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Trong năm 2012 Công ty đã thực hiện đầu tư một số hạng mục sau:

- Trang bị thêm một số máy móc, thiết bị, dụng cụ để nâng cao năng lực quản lý điều hành và ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao vào sản xuất trong nhà máy như: Lắp đặt hệ thống Dim, hệ thống đo đếm từ xa, mua mới để thay thế toàn bộ công tơ đo đếm, hệ thống ắc quy, thiết bị dự phòng hệ thống kích từ, điều tốc của nhà máy...
- Tiếp tục tìm kiếm các dự án đầu tư mở rộng SXKD phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty trong giai đoạn tới.

6.3. Hoạt động Marketing

Ngành điện có thị trường rộng lớn khắp cả nước, khách hàng tiêu thụ cuối cùng là mọi hộ gia đình, tất cả các cơ quan, xí nghiệp, văn phòng... Tuy nhiên, hiện nay ngành điện là ngành kinh tế độc quyền: chỉ có EVN là người

mua điện duy nhất và cũng là người bán điện duy nhất đến người tiêu dùng.

Do sản phẩm của Công ty thuần túy là điện thương phẩm nên hoạt động Marketing của Công ty sẽ tập trung cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác mà Công ty đang có chiến lược phát triển. Cụ thể, Công ty xác định sẽ từng bước hình thành và đẩy mạnh công tác tiếp thị ở một số lĩnh vực như: Cung cấp dịch vụ tư vấn, lắp đặt thiết bị điện; thí nghiệm thiết bị điện; thiết kế công nghệ các nhà máy thủy điện; đào tạo, cung cấp dịch vụ đào tạo cán bộ vận hành và quản lý nhà máy thủy điện và một số lĩnh vực kinh doanh khác có tỷ suất lợi nhuận cao hơn so với ngành sản xuất điện. Địa bàn hoạt động sẽ tập trung chủ yếu vào khu vực miền trung và miền nam.

6.4. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại Công ty chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại mà đang sử dụng biểu tượng của Tổng Công ty Sông Đà, phía dưới có thêm dòng chữ CẦN ĐƠN.

Biểu tượng của Tổng Công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/02/2005.

Nhãn hiệu "Sông Đà" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66125 theo quyết định số A9294/QĐ-ĐK ngày 24/8/2005 của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ và các nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66123 và 66124.

6.5. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	TÊN HỢP ĐỒNG	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG	THỜI ĐIỂM KÝ KẾT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	SẢN PHẨM	ĐỐI TÁC
1	Hợp đồng bán[2] điện	0,045USD/kWh[3]	1999	25 năm kể từ ngày ký hợp đồng	Điện thương phẩm	EVN

Nguồn: SJD

[2] *Hợp đồng do Tổng Công ty Sông Đà ký với EVN, được chuyển giao lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn.*

[3] *Giá bán điện là 0,045USD/kWh áp dụng đối với sản lượng điện đến mức bình quân 292 triệu kWh, giá bán điện 0,0225 USD/kWh áp dụng đối với sản lượng điện trên mức 292 triệu kWh.*

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất

- Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2011	NĂM 2012	% TĂNG GIẢM	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2013
1	Tổng giá trị tài sản	1.006.378.771.111	1.014.481.298.179	0,81%	967.222.501.963
2	Doanh thu thuần	287.071.000.712	344.825.024.220	20,12%	122.022.886.991
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	99.818.630.601	163.140.332.976	63,44%	66.106.839.671
4	Lợi nhuận khác	203.420.000	57.174.039	-71,89%	5.000.000
5	Lợi nhuận trước thuế	100.022.050.601	163.197.507.015	63,16%	66.111.839.671
6	Lợi nhuận sau thuế	89.989.332.541	154.893.596.856	72,12%	62.805.247.687
7	Cổ tức	15%	20%		-

Nguồn: SJD

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi:

SJD được hưởng lợi khá nhiều từ giá bán điện cho EVN được cố định ở mức 0,045 USD/kWh cho toàn bộ sản lượng điện thương phẩm *(trước năm 2007)*, từ năm 2007 đến nay, giá bán điện đối với mức sản lượng trên 292 triệu kWh chỉ bằng 50%, tức 0,0225 USD/kWh.

Điều kiện thời tiết năm 2012 có phần thuận lợi hơn năm trước, mực nước hồ chứa tại các nhà máy thủy điện ở Đông Nam bộ trong đó có Cần Đơn luôn được duy trì ở mức thuận lợi cho việc sản xuất điện.

Khó khăn:

Giá bán điện bình quân thấp do sản lượng trên mức 292 triệu kWh chỉ được tính giá bằng 50% giá thông thường; Các chi phí tăng cao như chi phí nhân công tăng 35% so với 2011, các chi phí thuế khác như thuế tài nguyên và phát sinh phí dịch vụ môi trường rừng.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Nhà máy thủy điện Cần Đơn với công suất lắp đặt 77,6 MW chiếm một thị phần tương đối nhỏ trong hệ thống lưới điện Quốc gia, chưa tới 2% tổng công suất lắp đặt của các nhà máy thủy điện đang hoạt động trên phạm vi

toàn quốc. Năm 2012, sản lượng điện thương phẩm của nhà máy sản xuất đạt 441.821.187 kWh tức là chỉ chiếm khoảng 0,37% tổng sản lượng điện thương phẩm của tất cả các nhà máy điện trên toàn quốc *(sản lượng điện EVN tự sản xuất và mua ngoài trong năm 2012 đạt 118,1 tỷ kWh*[4]*)*. Tuy nhiên nếu xét trên phạm vi hẹp thì khu vực miền Đông Nam Bộ có 03 nhà máy thủy điện đang cung cấp cho hệ thống điện Quốc gia là nhà máy thủy điện Thác Mơ với công suất 150 MW và nhà máy thủy điện Cần Đơn với công suất 77,6 MW và nhà máy thủy điện Sok Phu Miêng với công suất 51 MW.

Phân tích SWOT của Công ty

Thế mạnh	Điểm yếu
- Sản phẩm điện thương phẩm được EVN bao tiêu toàn bộ trong suất thời gian dự án (25 năm) nên đầu ra được đảm bảo. - Hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến đảm bảo vận hành đạt hiệu suất cao và an toàn. - Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm. - Với lượng vốn chủ sở hữu tương đối lớn, tình hình tài chính lành mạnh, làm ăn có lãi, Công ty có đủ khả năng chủ động trong đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh.	- Sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm. Trong điều kiện thị trường ngành điện còn tồn tại tình trạng độc quyền mua và bán điện, Công ty ít có khả năng tạo đột biến trong kết quả sản xuất kinh doanh nếu không đa dạng hóa sang các lĩnh vực kinh doanh khác.
Cơ hội	**Thách thức**
- Nhu cầu điện năng tiếp tục tăng nhanh hơn nguồn cung cấp trong những năm sắp tới. Bên cạnh đó, nhà máy thủy điện Cần Đơn nằm trong khu vực kinh tế phát triển năng động miền Đông Nam Bộ nên có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất kinh doanh điện và các sản phẩm có liên quan khác. - Phát triển thủy điện nằm trong chiến lược ưu tiên phát triển nguồn phát điện của nước ta cho tới 2020. Do đó, các doanh nghiệp thủy điện tiếp tục	- Trong giai đoạn sắp tới, khi nước ta bắt đầu hình thành thị trường mua bán điện cạnh tranh, Công ty phải nỗ lực để giảm giá thành sản xuất, cải tiến công nghệ, tìm kiếm khách hàng. - Trong tương lai sẽ có những nguồn năng lượng mới cạnh tranh hoặc thay thế thủy năng để sản xuất ra điện năng *(năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng nguyên tử...)*. Tuy nhiên việc phát triển và tận dụng những nguồn năng lượng mới này ở nước ta sẽ

[4] *Nguồn:* http://www.evnspc.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=3975:evn-m-bo-tng-trng-in-thng-phm-13nm

nhận được nhiều ưu đãi, hỗ trợ từ phía Nhà nước. - Định hướng đa dạng hóa lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty mở ra nhiều cơ hội sản xuất kinh doanh mới cho Công ty, góp phần nâng cao doanh thu và lợi nhuận.	đòi hỏi một thời gian tương đối dài.

Lợi thế cạnh tranh nổi bật của nhà máy là hệ thống thiết bị máy móc, công nghệ tiên tiến, hiện đại vào bậc nhất hiện nay tại Việt Nam, được cung cấp bởi Tập đoàn Metso *(Hoa Kỳ)*, một trong những Tập đoàn cung cấp thiết bị công nghiệp và công nghệ tự động hóa hàng đầu trên thế giới. Ba tính năng ưu việt của hệ thống công nghệ tự động hóa maxDNA mà nhà máy đang vận hành là đơn giản, dễ dàng cho thao tác và vận hành ở độ an toàn rất cao. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của nhà máy có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm đã làm chủ được hoàn toàn công nghệ nên nhà máy luôn được vận hành an toàn, đạt hiệu quả sản xuất cao.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nhu cầu tiêu thụ điện năng hàng năm của Việt Nam được dự báo tăng trưởng 11-14% mỗi năm. Theo ước tính của Tập đoàn điện lực Việt Nam *(EVN)*, trong giai đoạn từ 2010-2020, nhu cầu tiêu thụ điện cả nước tăng từ 92 tới 250 triệu MWh. Nhìn từ góc độ nhà cung cấp, tình trạng thiếu điện vẫn còn diễn ra khá phổ biến ở Việt Nam và ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Do thực trạng ngân sách nhà nước và các doanh doanh nghiệp nhà nước không đủ khả năng để đầu tư vào các dự án nguồn điện mới nên thị trường năng lượng điện hiện tại đã có sự tham gia tích cực của các nhà máy điện độc lập *(IPP)* và tập đoàn ngoài quốc doanh.

Tiêu thụ năng lượng điện ở Việt Nam có xu hướng tăng trưởng mạnh và đã vượt qua tốc độ tăng trưởng GDP trong vòng 1 thập kỷ qua. Tốc độ tăng trưởng đạt 15% năm, từ 22 triệu MWh trong năm 2000 lên mức 92 triệu MWh trong năm 2010. Các nhân tố tác động mạnh tới nhu cầu năng lượng trong các năm qua được cho là do tăng trưởng GDP cao, trung bình 8% giai đoạn 2000-2010; tốc độ đô thị hóa cao, bình quân ước đạt mức 3%/năm đến năm 2015, gia tăng tốc độ công nghiệp hóa và tăng thu nhập. Ngoài ra, tỷ lệ điện khí hóa *(tỷ lệ hộ gia đình có kết nối điện)* của Việt Nam đạt mức cao là 96%, đó cũng là nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự gia tăng đáng kể nhu cầu tiêu thụ điện năng.

EVN đã liên tục đánh giá thấp tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện trong các kế hoạch phát triển ngành điện trước đây. Tuy nhiên, báo cáo cập nhật gần đây cho thấy nhu cầu đã tăng trung bình 16% mỗi năm trong giai đoạn 2007 - 2010 và tốc độ tăng trưởng nhu cầu dự báo đạt 14% trong giai đoạn 2011-2015, và đạt 11% /năm trong giai đoạn 2016-2020.

Hình 1. Cơ cấu nhu cầu tiêu thụ điện (2000)
Tổng nhu cầu: 22 triệu MWh

Hình 2. Cơ cấu nhu cầu tiêu thụ điện (2010)
Tổng nhu cầu: 92 triệu MWh

Nguồn: EVN

EVN là công ty nhà nước quản lý lĩnh vực năng lượng điện của Việt Nam và chịu trách nhiệm cung ứng điện trên toàn quốc. Hiện tại EVN chiếm khoảng 68% của Tổng sản lượng điện cung cấp trong nước, phần còn lại được cung cấp bởi các nhà máy điện độc lập và nhập khẩu từ các nước láng giềng. Ngoài ra, EVN hiện tại đang quản lý toàn bộ khâu truyền tải và mạng lưới phân phối toàn quốc.

Với sự gia tăng nhu cầu về điện trong những năm gần đây, Việt Nam đã và đang gặp nhiều khó khăn do sự thiếu hụt năng lượng. Nguyên nhân của sự thiếu hụt năng lượng điện chủ yếu là kết quả của việc EVN không có khả năng để phát triển các dự án điện mới do thiếu vốn. Tình hình tài chính của EVN đã gặp nhiều khó khăn trong những năm gần đây do chi phí đầu vào liên tục tăng, chính sách áp dụng giá trần trên giá điện và sự thiếu hiệu quả trong sản xuất và phân phối.

Chính vì các nguyên nhân cơ bản trên nên hiện tại Việt Nam đang phải gánh chịu tình trạng thiếu điện và phải dựa vào một phần nguồn điện nhập khẩu từ các nước láng giềng. Để giảm bớt tình trạng thiếu điện ở miền Bắc, Việt Nam bắt đầu mua điện từ Trung Quốc trong năm 2006 với tổng khối lượng hơn 1 triệu MWh vận chuyển qua đường dây 110kV xuyên qua các tỉnh Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc. Việt Nam cũng có kế hoạch đầu tư bổ sung nhà máy điện tại Lào thông qua việc Tổng Công ty Sông Đà đã đầu tư 311 triệu USD vào một nhà máy thủy điện 250 MW tại Lào, với mục đích nâng cao năng lực cung cấp điện.

Trong tháng 7 năm 2011, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 *(Quy hoạch điện VII)*, trong đó nhấn mạnh an ninh năng lượng, hiệu suất năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo và tự do hóa thị trường năng lượng. Theo kế hoạch dự kiến, công suất phát điện tổng hợp của tất cả các nhà máy điện ở Việt Nam sẽ tăng lên 75.000 MW vào năm 2020, hướng đến mục tiêu 147.000 MW vào năm 2030. Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ ước tính tổng vốn đầu tư cần thiết cho ngành điện là khoảng 48,8 tỷ USD trong giai đoạn 2011-2020, trong đó hai phần ba sẽ được sử dụng để sản xuất điện và phần còn lại để phát triển mạng lưới, ước tính khoảng 75 tỷ USD cho giai đoạn 2021-2030.

Mặc dù có sự đóng góp ngày càng lớn của nhiệt điện vào tổng công suất năng lượng điện của Việt Nam, tuy nhiên Quy hoạch điện VII vẫn nhấn mạnh sự phát triển của các nguồn năng lượng tái tạo. Quy hoạch tách biệt thủy điện truyền thống khỏi các nguồn tái tạo khác, trong đó bao gồm thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời, khí sinh học / sinh khối, địa nhiệt, chất thải và các nguồn năng lượng tái tạo thay thế khác.

Việt Nam là một trong những nước giàu thủy năng hàng đầu thế giới, với 2.360 con sông có tổng chiều dài hơn 42.000 km. Tiềm năng thủy điện của Việt Nam được ước tính ở mức 84 triệu MWh mỗi năm. Có khoảng 150 địa điểm có thể được sử dụng để xây dựng thủy điện với tổng công suất thiết kế khoảng 18.000 đến 20.000 MW cho các nhà máy thủy điện lớn và vừa *(nhiều nơi công suất thiết kế có thể vượt 30 MW)*. 408 địa điểm khác đã được xác định là phù hợp cho các nhà máy thủy điện nhỏ *(những nhà máy có công suất dưới 30 MW)*, tạo ra tổng lượng điện khoảng 2.000 đến 4.000 MW.

Xét về các yêu cầu vốn cần thiết để phát triển ngành điện, Quy hoạch điện VII đưa ra các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, bao gồm đa dạng hóa các hình thức đầu tư, giảm vốn tăng chi phí cho các dự án điện, và tăng giá điện để đảm bảo hợp lý lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Cơ cấu nguồn điện theo công suất và sản lượng cho giai đoạn 2010-2020 tầm nhìn 2030

STT	Danh mục	2020			2030		
		Tổng công suất lắp đặt (MW)	Thị phần trong tổng công suất lắp đặt (%)	Thị phần trong tổng sản lượng điện (%)	Tổng công suất lắp đặt (MW)	Thị phần trong tổng công suất lắp đặt (%)	Thị phần trong tổng sản lượng điện (%)
1	Nhiệt điện than	36.000	48,0	46,8	75.000	51,6	56,4
2	Nhà máy nhiệt điện tua bin khí	10.400	13,9	20,0	11.300	7,7	10,5
3	Nhà máy nhiệt điện chạy tua bin khí LNG	2.000	2.6	4,0	6.000	4,1	3,9
4	Nhà máy thuỷ điện	17.400	23,1	19,6	n/a	11,8	9,3
5	Nhà máy thủy điện tích năng	1.800	2,4		5.700	3,8	
6	Nhà máy điện sinh khối	500	5,6	4,5	2.000	9,4	6,0
7	Nhà máy điện gió	1.000			6.200		
8	Nhà máy điện nguyên tử	n/a	n/a	2,1	10.700	6,6	10,1
9	Nhập khẩu	2.200	3,1	3,0	7.000	4,9	3,8
	Tổng cộng	**75.000**	**100**	**100**	**146.800**	**100**	**100**

Nguồn năng lượng điện chiếm tỷ trọng cao hiện nay vẫn là nhiệt điện than. Điện nguyên tử và năng lượng tái tạo có đóng góp đáng kể trong giai đoạn 2010 - 2020 và sẽ dần trở nên tương đối quan trọng trong giai đoạn 2020 - 2030. Thuỷ điện vẫn duy trì thị phần không đổi trong giai đoạn 2010 - 2020 và 2020 - 2030 vì thuỷ điện gần như đã được khai thác hết trên toàn quốc.

Cụ thể là vào năm 2020, cơ cấu sản lượng các nguồn điện là nhiệt điện than 46,8%, thuỷ điện và thuỷ điện tích năng 19,6%, nhiệt điện chạy khí và khí LNG *(khí hóa lỏng)* 24%, năng lượng tái tạo 4,5%, năng lượng nguyên tử

2,1% và 3.0% nhập khẩu từ các quốc gia khác.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Đứng trước thực trạng ngành điện nói chung và lĩnh vực thủy điện nói riêng, Công ty Thủy điện Cần Đơn đã đề ra nhiều biện pháp nhằm nâng cao sản lượng điện thương phẩm hàng năm và hạ giá thành sản phẩm, cụ thể như:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư nâng cao năng lực thiết bị của nhà máy nhằm nâng cao hiệu quả cho SXKD.
- Liên lạc chặt chẽ với nhà máy thuỷ điện Thác Mơ để nắm chắc chế độ thuỷ văn, kế hoạch chạy máy, sửa chữa để phối hợp thực hiện một cách hiệu quả nhất và vận hành lòng hồ và đăng ký công suất, thời gian phát điện hợp lý để đảm bảo suất tiêu hao nước trên 1kWh.
- Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động SXKD của Công ty. Coi trọng công tác thông tin liên lạc với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia và Trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Nam.
- Kiểm tra, rà soát các chi phí quản lý vận hành, các định mức, đơn giá chi phí quản lý nội bộ để điều chỉnh phù hợp, kịp thời trên cơ sở tiết kiệm tối thiểu 5-10% tổng chi phí đã được HĐQT phê duyệt.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Tính đến 30/06/2013, Công ty có 143 lao động. Cơ cấu lao động của Công ty phân chia theo trình độ cụ thể như sau:

STT	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %
1	Đại học và trên Đại học	33	23
2	Cao đẳng	15	10
3	Trung học chuyên nghiệp	18	13
4	Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	77	54
	Tổng cộng	**143**	**100,00**

Nguồn: SJD

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Công ty luôn đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật về lao động như: Trích nộp đầy đủ và đúng hạn bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho cán bộ công nhân viên.
- Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên. Nhiều cán bộ có trình độ, năng lực phẩm chất đã được cử tham gia các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn cả trong lẫn ngoài nước.
- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có đóng góp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và doanh thu; đồng thời cũng áp dụng những biện pháp, qui định xử phạt đối với những cán bộ công nhân viên vi phạm nội qui, kỷ luật lao động.
- Công tác bảo hộ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cũng nhận được sự quan tâm thích đáng của Công ty. Công ty đã ban hành đồng bộ hệ thống các qui định về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện hướng dẫn cán bộ công nhân viên sử dụng an toàn các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, tổ chức kiểm tra định kỳ hàng tháng, hàng quí độ tin cậy và an toàn của các thiết bị máy móc, các công trình thủy công.
- Công ty phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các đợt phát động thi đua lao động sản xuất, đẩy mạnh công tác văn-thể-mỹ, nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên.

10. Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ năm 2004. Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định. Cụ thể, SJD chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành

nghĩa vụ nộp thuế cũng như các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình ĐHĐCĐ quyết định. Tùy theo tình hình thực tế, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức cổ tức dự kiến.

Chỉ tiêu	2011	2012
Tỷ lệ cổ tức chi trả	15%	20%

Nguồn: SJD

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh tại thời điểm 30/06/2013:

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Vốn chủ sở hữu	Ghi chú
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.300.847.787	
Tài sản cố định	558.207.429.006	
Chi phí trả trước dài hạn	16.454.852.070	
Vốn lưu động	14.659.311.006	
Tổng cộng	**640.622.439.869**	

Nguồn: SJD

- Trích khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và khấu hao

SJD thực hiện việc trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định 203/2009/TT-BTC ngày 0/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định.

Riêng đối với TSCĐ là Nhà máy Thủy điện Cần Đơn thì thực hiện khấu hao theo sản lượng điện sản xuất trong kỳ trên tổng sản lượng thiết kế vận hành trong thời gian hoạt động của nhà máy là 25 năm tính từ khi nhà máy đi vào hoạt động, đảm bảo sau 25 năm hoạt động khấu hao hết giá trị của nhà máy thủy điện Cần Đơn.

- Mức lương bình quân:

Năm 2011 mức lương bình quân của CBCNV: 8.621.000 đồng/người

Năm 2012 mức lương bình quân của CBCNV: 11.527.000 đồng/người

Như vậy, so với các doanh nghiệp trong cùng ngành, mức lương bình quân của CBCNV Công ty Thủy điện Cần Đơn được đánh giá là tương đối cao.

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Công ty luôn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

- Các khoản phải nộp theo luật định.

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	3.967.580.082	2.607.900.491
Thuế TNDN	10.032.718.060	2.229.066.905	2.351.329.201
Thuế Thu nhập cá nhân	16.800.000	-	-
Thuế tài nguyên	263.383.488	665.109.128	807.585.378
Các loại thuế khác	-	18.000	-
Các khoản phí, lệ phí	-	15.330.581.740	17.928.364.080
Tổng cộng	**10.312.091.548**	**22.192.355.855**	**23.695.179.150**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2013 của SJD

Theo Giấy phép đầu tư số 04/GP-ĐTTN ngày 15/09/1999 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 04/GPĐC-ĐTTN ngày 28/05/2001, SJD được ưu đãi theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 04 *(bốn)* năm kể từ ngày có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 09 *(chín)* năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ sản xuất và kinh doanh điện;

Theo Công văn số 11996/BTC-CST ngày 05/09/2012 của Bộ Tài chính về việc chuyển đổi thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp BOT, Công ty được ưu đãi theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm kể từ năm 2010.

- Trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Quỹ Đầu tư phát triển	66.682.225.359	76.664.088.419	93.670.503.793
Quỹ Dự phòng tài chính	16.022.721.684	20.023.095.158	27.359.054.168
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	2.090.424.514	2.361.627.718	7.561.720.898

KHOẢN MỤC	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Tổng cộng	**84.795.371.557**	**99.048.811.295**	**128.591.278.859**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2013 của SJD

- Tổng dư nợ vay

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2011		31/12/2012		30/06/2013	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Vay và nợ ngắn hạn	250.051.487.737	57,68%	63.868.177.088	23,82%	8.938.074.735	4,16%
Vay và nợ dài hạn	183.446.600.000	42,32%	204.285.000.000	76,18%	206.125.000.000	95,84%
Tổng dư nợ vay	**433.498.087.737**	**100,00%**	**268.153.177.088**	**100,00%**	**215.063.074.735**	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2013 của SJD

- Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu của SJD

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Phải thu khách hàng	58.087.265.665	125.081.877.161	100.715.282.057
Trả trước người bán	521.120.047	110.497.000	46.734.000
Các khoản phải thu khác	26.282.056.720	6.224.410.687	7.859.666.670
Tổng cộng	**84.890.442.432**	**131.416.784.848**	**108.621.682.727**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2013 của SJD

Các khoản phải trả của SJD

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Nợ ngắn hạn	**268.236.643.122**	**150.923.219.269**	**112.913.341.196**
Vay và nợ ngắn hạn	250.051.487.737	63.868.177.088	8.938.074.735
Phải trả người bán	3.304.157.917	1.355.592.433	223.278.422

KHOẢN MỤC	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.312.901.548	22.192.355.855	23.695.179.150
Phải trả người lao động	3.846.308.709	3.964.308.067	938.358.034
Chi phí phải trả	72.000.000	5.176.111.111	6.241.666.667
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	649.787.211	54.366.674.715	72.876.784.188
Nợ dài hạn	**183.446.600.000**	**204.285.000.000**	**206.125.000.000**
Vay và nợ dài hạn	183.446.600.000	204.285.000.000	206.125.000.000
Tổng cộng	**451.683.243.122**	**355.208.219.269**	**319.038.341.196**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2013 của SJD

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2011	NĂM 2012
	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,37	1,31
	Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,32	1,23
	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2.	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,45	0,35
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,82	0,54
	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3.	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	7,28	11,24
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0,28	0,34
	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	31,35	44,92
4.	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	16,76	25,61
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,82	15,33
	Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	34,77	47,31

STT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2011	NĂM 2012
	Thu nhập trên cổ phần *(EPS)*	đồng	2.508	4.317

Nguồn: SJD

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

13.1. Danh sách Hội đồng quản trị

Ông **Nguyễn Văn Sơn**: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên : **NGUYỄN VĂN SƠN**

Giới tính : Nam

Số CMND : 113287781 Ngày cấp : 30/8/2004 Nơi cấp : CA Hòa Bình

Ngày sinh : 11/6/1969 Nơi sinh : Thác Bà - Yên Bái

Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Nhà BT1, Khu đô thị Bắc Hà, Quận Hà Đông, Hà Nội.

Quê quán : Xã Thái Hòa, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại : 04.33544735; DĐ 0913.347496.

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hệ thống điện, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- Từ năm 1986 Công ty Xây dựng Thủy công
- Từ 1988 -1991 : Công ty Xây dựng Công trình Ngầm
- Từ 1991- 1995 : Học tại trường đại học Bách khoa Hà nội
- Từ 1995- nay : Công ty Xây lắp Năng lượng, nay là Công ty cổ phần Sông Đà 11.

Quá trình chi tiết

- Từ 1995-1997 : Đội trưởng đội điện hầm Công ty xây lắp năng lượng thi công Công trình YaLy

- Từ 1997-1999 : Đội trưởng đội Xây lắp Xí nghiệp 11.1 Công ty Sông Đà 11.
- Từ 1999-2002 : Phó Giám đốc Chi nhánh Miền Nam Công ty Sông Đà 11.
- Từ 2002-2006 : Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 11-2 Công ty Sông Đà 11.
- Từ 2006-2008 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Sông Đà 11 kiêm Giám đốc Xí nghiệp Sông đà 11 - 5
- Từ 2008-2010 : Tổng Giám đốc Công Cổ phần Sông Đà 11- Thăng Long
- Từ 2010-06/2013 : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11
- Từ 06/2013 - nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11
Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 02/7/2013	:	7.504.000 cổ phần, chiếm 20,91% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần
Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà	:	7.504.000 cổ phần
Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ	:	Không có
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

Ông **Mai Ngọc Hoàn: Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên : **MAI NGỌC HOÀN**

Giới tính : Nam

Số CMND : 285174181 Ngày cấp : 16/4/2004 Nơi cấp : CA Bình Phước

Ngày sinh	:	15/10/1973	Nơi sinh	:	Thái Bình
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Long Hưng, Bù Gia Mập, Bình Phước.			
Quê quán	:	Đông Kinh, Đông Hưng, Thái Bình			
Số điện thoại	:	0651. 3 563 359			
Trình độ văn hóa	:	12/12			
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Cơ điện và Trung cấp cơ khí.			

Quá trình công tác :

- Từ 05/1995-04/2001 : Công tác tại Ban cơ điện Xí nghiệp ắc quy Cửu Long - Công ty Pin ắc quy Miền Nam. Vừa làm vừa học tại Trường Đại học Mở bán công thành phố Hồ Chí Minh chuyên ngành cơ điện*(1995 - 1999).*
- Từ 05/2001-08/2001 : Làm cán bộ kỹ thuật tại Ban vật tư kỹ thuật Sông Đà 11 - 1 Thanh Hoà, Bù Đốp, Bình Phước.
- Từ 08/2001-10/2002 : Học lớp Trưởng ca vận hành Nhà máy tại thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.
- Từ 10/2002-07/2003 : Học theo lớp Trưởng ca vận hành Nhà máy tại Nhà máy thuỷ điện Thác Mơ, Phước Long, Bình Phước
- Từ 7/2003-9/2003 : Giám sát lắp đặt thiết bị Nhà máy thuỷ điện Cần Đơn, Thanh Hoà, Bù Đốp, Bình Phước.
- Từ 9/2003-11/2004 : Trưởng ca vận hành Nhà máy - Phó quản đốc Phân xưởng Vận hành Công ty Cổ phần thuỷ điện Cần Đơn, Thanh Hoà, Bù Đốp, Bình Phước.
- Từ 11/2004-12/2005 : Quản đốc phân xưởng Vận hành Công ty cổ phần Thuỷ điện Cần Đơn, Thanh Hoà, Bù Đốp, Bình Phước.
- Từ 01/2006-09/2007 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước.

– 09/2007-06/2010	:	Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước
– Từ 06/2010 đến nay	:	Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước.

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Tổng Giám đốc, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Sổ lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 02/7/2013	:	5.000.115 cổ phần, chiếm 13,94% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	115 cổ phần
Đại diện sở hữu phần vốn của TCT Sông Đà	:	5.000.000 cổ phần
Sổ lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ	:	Không có
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

Ông **Nguyễn Văn Minh: Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	:	**NGUYỄN VĂN MINH**						
Giới tính	:	Nam						
Số CMND	:	285341666	Ngày cấp	:	31/12/2007	Nơi cấp	:	CA Bình Phước
Ngày sinh	:	26/10/1971	Nơi sinh	:	Sài Gòn			
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	:	Kinh			
Địa chỉ thường trú	:	Phường Tân Thiện, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.						
Quê quán	:	Thừa Thiên Huế						
Số điện thoại	:	0651.3563161; 0918680519						
Trình độ văn hóa	:	10/10						

Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	:	
– 1990-12/1991	:	Học Công nhân kỹ thuật tại trường Công nhân Cơ khí Cao Su Đồng Phú - Sông Bé
– 2/1992-9/1994	:	Đi bộ đội
– 9/1994-6/1999	:	Học tại Khoa Cơ khí Công Nghệ, trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
– 10/1999-10/2001	:	Làm việc tại công ty TNHH Thương Mại Kỹ Thuật An Khang P13, Q.Tân Bình, TP. HCM.
– 2001-04/2003	:	Nhân viên phòng Vật tư - Thiết bị Công ty BOT thủy điện Cần Đơn, Thanh Hòa, Lộc Ninh, Bình Phước.
– 4/2003-11/2003	:	Phó trưởng phòng Vật tư - Thiết bị Công ty BOT thủy điện Cần Đơn, Thanh Hòa, Bù Đốp, Bình Phước.
– 11/2003-4/2004	:	Phó trưởng phòng Kỹ thuật - Công nghệ Công ty BOT thủy điện Cần Đơn, Thanh Hòa, Bù Đốp, Bình Phước.
– 4/2004-10/2004	:	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công nghệ Công ty BOT thủy điện Cần Đơn, Thanh Hòa, Bù Đốp, Bình Phước.
– 11/2004 đến 06/2013	:	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công nghệ Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước.
– 06/2013 đến nay	:	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công nghệ, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Sổ lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 02/7/2013	:	4.060.086 cổ phần, chiếm 11,31% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	60.086 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà	:	4.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

Ông **Vũ Văn Năm: Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	:	**VŨ VĂN NĂM**
Giới tính	:	Nam
Số CMND	:	285586537 Ngày cấp : 25/8/2012 Nơi cấp : CA Bình Phước
Ngày sinh	:	02/02/1978 Nơi sinh : Hà Nam.
Quốc tịch	:	Việt Nam Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.
Quê quán	:	Nhật Tân, Kim Bảng, Hà Nam.
Số điện thoại	:	06513.563161; 0919352687.
Trình độ văn hóa	:	12/12.
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác	:	
– 8-10/2013	:	Nhân viên phòng Kỹ thuật Công nghệ Công ty BOT thủy điện Cần Đơn
– 10/2003-5/2010	:	Nhân viên Tổ thí nghiệm, Tổ trưởng Tổ thí nghiệm phân xưởng Sửa chữa Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn
– 05/2010 đến 06/2013	:	Phó phòng Kỹ thuật Công nghệ Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
– 06/2013 đến nay	:	Phó phòng Kỹ thuật Công nghệ, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Sổ lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 02/7/2013	:	1.795 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	1.795 cổ phần
Sổ lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

Bà **Ông Thị Thanh Thảo: Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	:	**ÔNG THỊ THANH THẢO**						
Giới tính	:	Nữ						
Số CMND	:	201390051	Ngày cấp	:	06/4/2012	Nơi cấp	:	CA Đà Nẵng
Ngày sinh	:	29/10/1980	Nơi sinh	:	Đà Nẵng			
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	:	Kinh			
Địa chỉ thường trú	:	H29/10 K30 Trần Phú, Đà Nẵng						
Quê quán	:	Đà Nẵng						
Số điện thoại	:	0919422630						
Trình độ văn hóa	:	12/12.						
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ kinh tế						
Quá trình công tác	:							
– 2007-2008	:	Chuyên viên đầu tư cao cấp - Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Bản Việt.						
– 2008-2011	:	Trưởng phòng phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt.						

- 2011 đến 06/2013 : Trưởng phòng đầu tư - Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam
- 06/2013 đến nay : Trưởng phòng đầu tư - Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Sổ lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 02/7/2013	:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Sổ lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

13.2. Danh sách Ban kiểm soát

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai: Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên	:	**NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI**						
Giới tính	:	Nữ						
Số CMND	:	012036381	Ngày cấp	:	10/5/2012	Nơi cấp	:	CA Hà Nội
Ngày sinh	:	13/10/1977	Nơi sinh	:	Hà Nội			
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	:	Kinh			
Địa chỉ thường trú	:	2101T2A Chung cư TSQ, Làng Việt kiều Châu Âu, Mộ Lao, Hà Nội						
Quê quán	:	Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.						
Số điện thoại	:	04.35523.398.; DĐ 0983.305389.						
Trình độ văn hóa	:	12/12						
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế						

Quá trình công tác :

- 1999-2001 Công tác tại Xí nghiệp kinh doanh nhà Công ty Sông Đà 1
- 2001 đến 06/2013 Công tác tại Ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Sông Đà
- 06/2013 đến nay Công tác tại Ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Sông Đà, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 02/7/2013	:	1.794.000 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần
Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng công ty Sông Đà	:	1.794.000 cổ phần
Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

Ông **Bùi Xuân Ninh: Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	:	**Bùi Xuân Ninh**						
Giới tính	:	Nam						
Số CMND	:	230554449	Ngày cấp	:	12/4/2010	Nơi cấp	:	CA Gia Lai
Ngày sinh	:	27/8/1978	Nơi sinh	:	TP. Hải Phòng			
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	:	Kinh			
Địa chỉ thường trú	:	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - TT Thanh Bình - Bù Đốp - Bình Phước						
Quê quán	:	Quận Ngô Quyền - TP. Hải Phòng						

Số điện thoại	:	0919100510
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế thủy sản
Quá trình công tác	:	
– 10/2002-06/2007	:	Nhân viên Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP thủy điện Cần Đơn
– 06/2007-05/2008	:	Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP thủy điện Cần Đơn
– 05/2008 đến 04/2009	:	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty CP thủy điện Cần Đơn
– 04/2009 đến nay	:	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên Ban Kiểm Soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không có
Sổ lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 2/07/2013	:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Sổ lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

Ông **Trần Tuấn Anh: Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	:	**TRẦN TUẤN ANH**						
Giới tính	:	Nam						
Số CMND	:	012279391	Ngày cấp	:	03/9/1999	Nơi cấp	:	CA Hà Nội
Ngày sinh	:	05/6/1982	Nơi sinh	:	Hà Nội			
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	:	Kinh			

Địa chỉ thường trú	:	Số 5, Ngoc 43, Đông Tác, Đống Đa, Hà Nội
Quê quán	:	Hà Nội
Số điện thoại	:	0912333131
Trình độ văn hóa	:	12/12.
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ – Tài chính Ngân hàng.
Quá trình công tác	:	

- 2004-2006 Chuyên viên nghiệp vụ Ngân hàng Citibank
- 2006-2007 Phó phòng dự án, ban tiếp thị khách hàng, Vietnamairlines
- 2007-2008 Chuyên viên phân tích đầu tư, hiệp hội doanh nghiệp Việt Tiệp
- 2008 đến 2011 Chuyên viên đầu tư - Vinacapital
- 2011 đến nay Chuyên viên đầu tư - Vinacapital, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 02/7/2013	:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

13.3. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Ông **Mai Ngọc Hoàn: Tổng Giám đốc** *(Lý lịch nêu ở phần trên)*

Ông **Trần Văn Sáu: Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	:	**TRẦN VĂN SÁU**
Giới tính	:	Nam
Số CMND	:	285308555 Ngày cấp : 12/6/2007 Nơi cấp : CA Bình Phước
Ngày sinh	:	08/10/1960 Nơi sinh : Thái Bình
Quốc tịch	:	Việt Nam Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.
Quê quán	:	Tán Thuật, Kiến Xương, Thái Bình
Số điện thoại	:	06513563387; 0913409240
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	:	
– 1982-1993	:	Cán bộ kỹ thuật thi công tại Công ty bê tông nghiền sàng *(Công ty Sông Đà 7)*
– 1993-2000	:	Phó giám đốc xí nghiệp 403- Công ty Sông Đà 4
– 2000-2002	:	Phó giám đốc nhà máy thủy điện Ry Ninh II- Công ty Sông Đà 11
– 2002- 9/2009	:	Quản đốc phân xưởng Sửa chữa Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
– 10/2009 đến nay	:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn.

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Sổ lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 02/7/2013	:	3.946 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	3.946 cổ phần
Sổ lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ	:	Không

Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

13.4. *Ông* ***Đồng Văn Tâm: Kế toán trưởng***

Họ và tên	:	**ĐỒNG VĂN TÂM**						
Giới tính	:	Nam						
Số CMND	:	141978451	Ngày cấp	:	27/10/2009	Nơi cấp	:	CA Hải Dương
Ngày sinh	:	07/8/1976	Nơi sinh	:	Hải Dương			
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	:	Kinh			
Địa chỉ thường trú	:	Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương						
Quê quán	:	Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương						
Số điện thoại	:	06513.563375;						
Trình độ văn hóa	:	12/12						
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Tài chính kế toán						
Quá trình công tác	:							

– 03/2000-10/2002	:	Kế toán viên Công ty BOT Thủy điện Cần Đơn
– 10/2002-12/2002	:	Phó kế toán trưởng Công ty BOT Thủy điện Cần Đơn
– 12/2002-05/2006	:	Phó kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Kế toán trưởng chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh
– 6/2006-4/2008	:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn
– 5/2008-4/2009	:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Sông Đà tại thành phố Hồ Chí Minh.
– 5/2009 đến 04/2013	:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn tại Bù Đốp, Bình Phước

– 04/2013 - nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn tại Bù Đốp, Bình Phước, Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà
Sổ lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 02/7/2013	:	18.600 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	18.600 cổ phần
Sổ lượng cổ phiếu SJD do người có liên quan nắm giữ	:	Không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

13. Tài sản

Tình hình TSCĐ của SJD tại ngày 31/12/2012

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
TSCĐ Hữu hình	**1.372.942.674.812**	**574.978.277.155**	**797.964.397.657**
Nhà cửa vật kiến trúc	697.109.090.455	290.291.775.936	406.817.314.519
Máy móc thiết bị	540.002.519.778	226.136.535.483	313.865.984.295
Phương tiện vận tải	134.857.294.249	57.679.287.501	77.178.006.748
Thiết bị quản lý	973.770.330	870.678.235	103.092.095

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 của SJD

Tình hình TSCĐ của SJD tại ngày 30/06/2013

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
TSCĐ Hữu hình	**1.372.993.244.812**	**599.722.741.071**	**773.270.503.741**

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
Nhà cửa vật kiến trúc	697.109.090.455	302.741.671.828	394.367.418.627
Máy móc thiết bị	540.025.894.778	235.937.744.798	304.088.149.980
Phương tiện vận tải	134.857.294.249	60.152.469.215	74.704.825.034
Thiết bị quản lý	1.000.965.330	890.855.230	110.110.100

Nguồn: BCTC kiểm toán soát xét Quý II năm 2013 của SJD

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2013 và 2014

Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2013 và 2014

CHỈ TIÊU	Đơn vị	NĂM 2013		Năm 2014	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2012	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2013
Doanh thu thuần	triệu đồng	325.387	5,78%	347.003	6,64%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	125.985	-12,09%	142.373	13,01%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	38,7	-7,62%	41,0	2,33%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,6	8,41%	18,6	0%
Cổ tức	%	18	-2%	20	2%

Nguồn: SJD

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn được xây dựng trên cơ sở Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn *(số liệu khi chưa sáp nhập)* và Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh, cụ thể như sau:

STT	KẾ HOẠCH	Đơn vị	RHC	SJD
1	Sản lượng điện thương phẩm	10^6 kWh	52	310
2	Doanh thu	10^6 đồng	42.950	282.437

STT	KẾ HOẠCH	Đơn vị	RHC	SJD
3	Tổng chi phí	10^6 đồng	27.690	157.727
4	Nộp ngân sách	10^6 đồng	5.970	47.000
5	Lợi nhuận			
-	*Lợi nhuận trước thuế*	*10^6 đồng*	*14.950*	*124.710*
-	*Lợi nhuận sau thuế*	*10^6 đồng*	*13.750*	*112.235*
6	Tỷ suất			
-	*Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần*	*%*	*32,0%*	*39,7%*
-	*Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu*	*%*	*16,6%*	*18,8%*
-	*Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản*	*%*	*8,5%*	*11,1%*
7	Vốn chủ sở hữu	10^6 đồng	83.000	595.978
8	Vốn điều lệ	10^6 đồng	51.200	358.792
9	Tổng tài sản	10^6 đồng	162.000	1.009.000
10	Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	lần	0,95	0,69
11	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	lần	0,49	0,41
12	Tỷ lệ cổ tức	%	15%	18%

Nguồn: SJD

Sau sáp nhập, RHC trở thành chi nhánh hạch toán phụ thuộc của SJD, tuy nhiên 2 nhà máy vẫn hoạt động tương đối độc lập với nhau. Về cơ bản, 2 nhà máy vẫn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, đạt sản lượng điện như kế hoạch đề ra. Những căn cứ cụ thể để đạt kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2013, 2014 như sau:

- Sau sáp nhập, đội ngũ CBCNV của RHC được đảm bảo giữ nguyên vị trí làm việc như trước khi sáp nhập trong vòng 1 năm *(theo quy định tại Hợp đồng sáp nhập ký giữa SJD và RHC).* Do đó, nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013, 2014 của nhà máy RHC không bị xáo trộn.
- Đội ngũ lãnh đạo của SJD có kinh nghiệm quản lý vận hành tốt và khả năng sẵn sàng chạy máy cao khi có huy động nên được EVN quan tâm tạo mọi điều kiện để khai thác và phát huy hết khả năng công suất;
- Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến, thường xuyên duy tu, bảo dưỡng. Vì vậy, cả 2 nhà máy vận hành đảm bảo có hiệu quả và độ an toàn cao.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên được đào tạo cơ bản, nắm vững kỹ thuật chuyên môn. Qua đó đã tích luỹ được nhiều kinh nghiệm trong nghiệp vụ quản lý và điều hành.

- Sau sáp nhập, SJD có thể tận dụng được lợi thế kinh tế về quy mô *(tức chi phí để tạo ra một đơn vị sản phẩm/dịch vụ sẽ thấp hơn khi quy mô hoạt động gia tăng)*, nhờ đó tăng hiệu quả hoạt động.
- Với mô hình tổ chức mới sau sáp nhập, bộ máy nhân sự thu gọn hơn, việc luân chuyển, phân bổ các nguồn lực giữa các đơn vị thuận lợi, linh hoạt và nhanh chóng hơn cũng sẽ góp phần tiết kiệm đáng kể các chi phí gián tiếp.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long xin đưa ra đánh giá về Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2013, 2014 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn *(kế hoạch sản xuất kinh doanh sau sáp nhập)* dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn *(Công ty nhận sáp nhập)*, Công ty Thủy điện Ry Ninh II *(Công ty bị sáp nhập)*. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2013, 2014 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn sau sáp nhập là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành: không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc phát hành cổ phiếu: không có

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI - CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN RY NINH II

1. Quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung

Tên công ty	:	**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN RY NINH II**
Tên Tiếng Anh	:	Ry Ninh II Hydroelectric JSC
Trụ sở chính	:	Xã Yaly, huyện Chư Pảh, tỉnh Gia Lai
Điện thoại	:	+84 059 384 5128 Fax: +84 059 384 5128
Website	:	www.ryninh2.com.vn
Giấy CNĐKKD	:	5900296359 do Sở kế hoạch Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 01/09/2011.
Vốn điều lệ	:	**51.200.000.000** ***(Năm mươi mốt tỷ, hai trăm triệu)*** **đồng**
Tài khoản số	:	102010000415895
Tại	:	Ngân hàng TMCP Công Thương Gia lai

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- Thi công lắp đặt hệ thống điện, nước, thông tin;
- Khai thác, lọc và phân phối nước;
- Đầu tư xây dựng các dự án thuỷ điện;
- Đào tạo cán bộ, công nhân vận hành nhà máy thuỷ điện vừa và nhỏ;
- Tư vấn xây lắp các công trình điện.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công trình thuỷ điện Ry Ninh II chính thức khởi công vào tháng 11 năm 1999 do Công ty Sông Đà 11- Tổng Công ty Sông Đà làm chủ đầu tư. Với sự quyết tâm cao độ cùng với sự chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo Tổng Công ty, tập thể cán bộ công nhân viên công trường thuỷ điện Ry Ninh II đã vượt qua mọi khó khăn hoàn thành các mục tiêu tiến độ thi công công trình. Ngày 26/4/2002, Nhà máy chính thức đưa vào vận hành và hoà vào lưới điện 03 tổ máy với tổng công suất 8,1 MW.

Nhà máy Thuỷ điện Ry Ninh II nằm trên địa bàn Huyện Chư Pảh, Tỉnh Gia Lai, thuộc khu vực Tây Nguyên. Công trình sử dụng thuỷ năng của suối Ry Ninh tại địa phận Huyện Chư Pảh.

Công ty Cổ phần Thuỷ điện Ry Ninh II là đơn vị đầu tiên hoạt động trong lĩnh vực thuỷ điện thuộc Tổng Công ty Sông Đà đã tiến hành cổ phần hoá. Được thành lập từ việc cổ phần hoá bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là

Nhà máy thuỷ điện Ry Ninh II thuộc Công ty Sông Đà 11 – Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 1617/QĐ-BXD ban hành ngày 26/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900296359 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 01/09/2011. Tổng Công ty Sông Đà hiện là đơn vị giữ cổ phần chi phối đối với Công ty *(50,62%).*

Ngày 24/4/2006 Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có Quyết định số 44/UBCK-GPNY về việc cấp phép niêm yết cho Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II. Ngày 15/6/2006 Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh *(nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh)*. Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa X kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12 tháng 06 năm 1999.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2011.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số thành viên của Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ

đông thông qua;

- Bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty. Quyết định mức lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng nếu có bằng chứng chứng minh họ không đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ được giao phó hoặc họ có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ của Công ty hoặc Hội đồng quản trị cho rằng việc miễn nhiệm hoặc cách chức là cần thiết và vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. Xác định mức cổ tức, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất tới Đại hội đồng cổ đông về việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Ban Kiểm soát bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm như sau:

- Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
- Kiến nghị các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp *(nếu có)* cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty.
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

CÁC PHÒNG BAN CHỨC NĂNG CỦA CÔNG TY

Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

Phòng Nghiệp vụ tổng hợp có chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty các phương pháp tiến hành thực hiện mục tiêu kế hoạch đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua; tổ chức đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh điện và các hoạt động kinh doanh khác về các mặt kỹ thuật, điều độ sản xuất. Ngoài ra, phòng còn chịu trách nhiệm về các công tác an toàn lao động, quản lý cơ giới và đào tạo.

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có chức năng tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán và hạch toán kinh tế tuân thủ các nguyên tắc kế toán hiện hành; lập kế hoạch tài chính - đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn cho Công ty; thực hiện việc thanh toán, thu hồi công nợ kịp thời; tổ chức tự kiểm tra định kỳ về tình hình chấp hành các qui định của Nhà nước, của Tổng Công ty và Công ty về quản lý Tài chính - Tín dụng. Ngoài ra, phòng còn thực hiện nhiệm vụ phân tích các thông tin Kinh tế - Tài chính - Tín dụng, lập báo cáo phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, lập báo cáo công khai tài chính theo đúng qui định của pháp luật.

Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Tổ chức - Hành chính có chức năng tham mưu cho Ban giám đốc Công ty về chiến lược nhân sự và cách

thức điều hành bố trí nhân sự cụ thể cho từng khâu sản xuất nhằm phát huy tối đa khả năng nguồn nhân lực tạo điều kiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Phòng có nhiệm vụ soạn thảo, trình duyệt các nội qui và qui chế của Công ty; giải quyết các chế độ chính sách cho cán bộ công nhân viên Công ty theo đúng qui định của luật pháp; tổ chức phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất và văn - thể - mỹ nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên...

Nguồn: RHC

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại ngày 11/03/2013

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ ĐKSH	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN NẮM GIỮ	TỶ LỆ NẮM GIỮ
1	Tổng Công ty Sông Đà	0100105870	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội	2.591.904	50,62%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 20/03/2013 của RHC

3.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 11/03/2013

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
I	**Trong nước**	**469**	**4.772.684**	**93,22%**
1	Tổ chức	16	2.595.500	50,69%
2	Cá nhân	453	2.177.184	42,52%
II	**Nước ngoài**	**84**	**347.316**	**6,78%**
1	Tổ chức	5	279.952	5,47%
2	Cá nhân	79	67.364	1,32%
	TỔNG CỘNG	**553**	**5.120.000**	**100,00%**

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 20/03/2013 của RHC

Cơ cấu cổ đông

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Công ty mẹ - Tổng Công ty Sông Đà

- Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Mễ Trì, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 38541164 Fax: (84-4) 38541161
- Số ĐKKD: 0100105870
- Tỉ lệ nắm giữ của công ty mẹ: **50,62%** vốn điều lệ, tương đương ***2.591.904 (Hai triệu, năm trăm chín mươi mốt nghìn, chín trăm linh tư)*** cổ phiếu.

Công ty con - Công ty Cổ phần Thuỷ điện Sông Đà Tây Nguyên[5]

- Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên được thành lập theo Hợp đồng thành lập số 01 CP/ SD/2007, tháng 7 năm 2007.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 5900421948, cấp ngày: 22/11/2012, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai.
- Vốn điều lệ là đăng ký: 75,0 tỷ đồng *(tương đương 7.500.000 cổ phần)*.
- Cổ đông sáng lập và tỷ lệ góp vốn:
  - ✓ Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II: 81,25% VĐL
  - ✓ Công ty Cổ phần Sông Đà 4: 13,93% VĐL
  - ✓ Các cổ đông khác: 4,82% VĐL
- Số vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 31/03/2013:

  Trong đó:
  - ✓ Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II: 18.435.061.380 đồng;
  - ✓ Công ty Cổ phần Sông Đà 4: 10.445.280.000 đồng;
  - ✓ Các cổ đông khác: 3.618.300.000 đồng.
- Dự án do Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên thực hiện:

  Dự án Thủy điện Hà Tây được nghiên cứu xây dựng trên suối Đăk Pơ Tang là một nhánh suối lớn thượng nguồn của sông Đăk Bla và là thượng nguồn của sông Sê San. Công trình xây dựng tại khu vực lâm

[5] *Dự án Nhà máy Thủy điện Hà Tây do Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên làm chủ đầu tư hiện đang trong quá trình thi công, chỉ phát sinh chi phí, chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận.*

trường Hà Tây, xã Hà Tây, huyện Chư Pảh, tỉnh Gia Lai, cách thị xã Kon Tum khoảng 20 km về phía Bắc và cách hồ thủy điện Yaly 28 km, cách thành phố Pleiku khoảng 50 km về phía Bắc.

- ✓ Tên dự án: Công trình Thủy điện Hà Tây
- ✓ Địa điểm xây dựng: Xã Hà Tây, huyện Chư Pảh, tỉnh Gia Lai
- ✓ Công suất thiết kế: 9,0 MW
- ✓ Điện lượng trung bình hàng năm (E_0): 37,95 triệu Kwh
- ✓ Dự kiến hoàn thành: Quý IV/2014

Hình ảnh công trường Dự án Thủy điện Hà Tây

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

STT	THỜI ĐIỂM TĂNG VỐN	GIÁ TRỊ VỐN TĂNG THÊM *(đồng)*	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	ĐƠN VỊ CẤP PHÉP
1	2011	19.200.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10:6	ĐHĐCĐ UBCKNN

Nguồn: RHC

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Hoạt động kinh doanh chính của CTCP Thủy điện Ry Ninh II là đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành dự án nhà máy thủy điện Ry Ninh II với công suất 8,1 Mw.

Nhà máy thủy điện Ry Ninh II

- **Địa điểm nhà máy:** Xã Yaly, huyện Chư Pảh, tỉnh Gia Lai
- **Khởi công:** 11/1999

- **Hoàn thành:** 04/2002
- **Ngày phát điện và hòa lưới điện quốc gia:** Ngày 26/04/2002, nhà máy chính thức đưa vào vận hành và hòa lưới điện 03 tổ máy với tổng công suất 8,1 MW.
- **Hình thức đầu tư:** BOO *(công ty tự bỏ vốn xây dựng và vận hành khai thác).*
- **Tổng vốn đầu tư (đã kiểm toán):** ~139 tỷ đồng
- **Công suất thiết kế:** 8,1MW
- **Số tổ máy:** 03
- **Sản lượng điện trung bình:** 53,4 triệu KWh/năm
- **Hợp đồng mua bán điện ký giữa Tổng công ty Xây dựng Sông Đà và Công ty Điện lực 3 – EVN ngày 29/12/1999:** Giá bán điện cố định 0,041 USD/kwh cố định trong 20 năm. Từ năm thứ 21 trở đi hai bên sẽ bàn bạc xem xét để thay đổi hoặc giữ nguyên giá tùy thuộc vào Luật, chế độ, chính sách của nhà nước liên quan đến Hợp đồng đã ký.

Sản lượng điện thương phẩm

Sản lượng điện thương phẩm của RHC giai đoạn 2003-2012

Hình ảnh Nhà máy Thủy điện Ry Ninh II

Ngoài hoạt động kinh doanh chính là quản lý vận hành dự án nhà máy thủy điện Ry Ninh II, RHC còn hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh nước sạch. Các hoạt động này có quy mô nhỏ, chỉ chiếm dưới 1% doanh thu của RHC trong năm 2012.

CƠ CẤU DOANH THU THEO GIÁ TRỊ DỊCH VỤ

Đơn vị: đồng

STT	SẢN PHẨM	NĂM 2011		NĂM 2012		6 THÁNG ĐẦU NĂM 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán điện thương phẩm, nước	49.421.689.806	100,00%	51.181.878.992	99,58%	10.365.468.301[6]	100,00%
2	Doanh thu hợp đồng xây lắp	-	0,00	213.692.164	0,42%	71.123.809	0,00%
Doanh thu thuần		**49.421.689.806**	**100,00%**	**51.395.571.156**	**100,00%**	**10.436.592.110**	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và BCTC soát xét hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013 của RHC

Trên 99% doanh thu thuần hàng năm của RHC đến từ sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Như các nhà máy thủy điện khác, biến động doanh thu thuần và lợi nhuận hàng năm của RHC phụ thuộc vào yếu tố thời tiết.

[6] Doanh thu bao gồm DT ban dien va DT khac (theo thuyet minh BCTC 6 thang)

So với năm 2011 tình hình thời tiết khí hậu năm 2012 tương đối thuận lợi, mùa mưa đến sớm hơn nên lưu lượng nước về lòng hồ nhiều và tương đối ổn định, sản lượng điện sản xuất năm 2012 so với năm 2011 đã tăng đáng kể. Theo đó, Doanh thu thuần năm 2012 tăng 3,56% so với Doanh thu thuần năm 2011 *(Doanh thu thuần năm 2012 đạt 51.181,8 tỷ đồng, con số này năm 2011 là 49,421,6 tỷ đồng)*

Quý I năm 2013 lượng mưa ít, tình hình khí hậu không thuận lợi nên dẫn đến sản lượng điện Quý I năm 2013 thấp, kéo theo Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất điện chỉ đạt trên 3,3 tỷ đồng.

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP THEO GIÁ TRỊ DỊCH VỤ

Đơn vị: triệu đồng

STT	SẢN PHẨM	NĂM 2011		NĂM 2012		6 THÁNG ĐẦU NĂM 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận bán hàng	32.368	100,00%	28.826	100,00%	6.013	100,00%
2	Lợi nhuận tiêu dùng nội bộ	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Lợi nhuận gộp		**32.368**	**100,00%**	**28.826**	**100,00%**	**6.013**	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2013 của RHC

Lợi nhuận bán điện thương phẩm chiếm 100% Lợi nhuận gộp của Công ty. Bên cạnh những yếu tố thuận lợi về thời tiết giúp Công ty gia tăng sản lượng điện từ đó gia tăng Doanh thu so với năm 2011, năm 2012 Giá vốn bán hàng của Công ty tăng đáng kể so với năm 2011 *(Giá vốn hàng bán năm 2012 tăng 31,09% so với Giá vốn hàng bán năm 2011 do giá nguyên nhiên vật liệu, vật tư phụ tùng thay thế, phục vụ sản xuất tăng cao….)*, Lợi nhuận gộp năm 2012 chỉ đạt 89,06% Lợi nhuận gộp của năm 2011.

6.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 và nghị quyết HĐQT, Công ty đã triển khai thực hiện một số công tác đầu tư như sau:

- Đối với dự án Thuỷ điện Hà Tây *(do Công ty Cổ phần Thủy điện Sông đà Tây Nguyên làm chủ đầu tư)*:

Hiện nay HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II đang chỉ đạo HĐQT và Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên làm việc, xúc tiến việc triển khai thi công, hoàn thiện các hạng mục công việc đảm bảo kịp tiến độ đề ra. Đến hết tháng 12/2012, các thủ tục, hồ sơ pháp lý đã cơ bản thực hiện xong. Ngày 29/12/2012 đã ký kết hợp đồng tín dụng số 79/HĐTD với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai với hạn mức vay vốn là 158,943 tỷ đồng, sang quý I/2013 sẽ bắt đầu thực hiện giải ngân.

Tổng số vốn đầu tư đã góp đến 31/12/2012 là 18.435.061.380 đồng, trong đó góp năm 2012 là 885.061.380 đồng.

- Công tác đầu tư mua mới máy biến áp để thay thế; Công ty đã ký hợp đồng mua máy biến áp 4.000kVA-40,5KV để thay thế trong tháng 6/2012 với tổng giá trị là: 1.628.000.000 đồng.

6.3. Hoạt động Marketing

Hiện tại sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm và việc tiêu thụ điện đã được đảm bảo bởi hợp đồng mua bán điện của Công ty ký giữa Tổng Công ty Sông Đà và EVN, mà cụ thể là thông qua Công ty Điện 3 - Điện lực Gia Lai với mức giá cố định trong suất thời gian cố định là 20 năm *(kể từ năm 2003)*. Những biện pháp thúc đẩy bán hàng của Công ty như đẩy mạnh quan hệ khách hàng với Điện lực Gia Lai bằng việc tổ chức các buổi gặp gỡ khách hàng trong các dịp lễ tết, tổ chức giao lưu văn hóa, thể thao, học hỏi kinh nghiệm quản lý, điều độ vận hành...

6.4. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại Công ty chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại mà đang sử dụng biểu tượng của Tổng Công ty Sông Đà, phía dưới có thêm dòng chữ Ry Ninh II.

RY NINH II

Biểu tượng của Tổng Công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/02/2005.

Nhãn hiệu "Sông Đà" theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66125 theo quyết định số A9294/QĐ-ĐK ngày 24/8/2005 của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ và các nhãn hiệu theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66123 và 66124.

6.5. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	TÊN HỢP ĐỒNG	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG	THỜI ĐIỂM KÝ KẾT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	SẢM PHẨM	ĐỐI TÁC
1	Hợp đồng mua bán điện	4,1 Cents/Kwh	29/12/1999	Được thực hiện trong suốt thời gian hoạt động của Nhà máy	Điện thương phẩm	Công ty điện lực 3-Tổng công ty điện lực Việt Nam

Nguồn: RHC

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất

- Kết quả hoạt động kinh doanh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA RHC

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2011	NĂM 2012	% TĂNG GIẢM	6 THÁNG 2013
1	Tổng giá trị tài sản	139.103.610.430	140.635.016.323	10,83%	160.706.552.415
2	Doanh thu thuần	49.421.689.806	51.181.878.992	3,56%	10.436.592.110
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.635.243.016	10.983.265.702	-15,44%	(1.455.177.393)
4	Lợi nhuận khác	1.016.043.770	2.768.079.724	172,44%	(180.508.545)
5	Lợi nhuận trước thuế	12.651.286.786	13.751.345.426	-1,81%	(1.635.685.938)
6	Lợi nhuận sau thuế	11.925.418.735	13.551.317.447	2,05%	(1.632.308.350)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	17%	15%	-2%	-

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2012 và BCTC soát xét hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013 của RHC

Do đặc thù của Công ty là ngành sản xuất điện thương phẩm, chủ yếu dựa vào nguồn thủy năng là chính nên phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết, khí hậu. 6 tháng đầu năm 2013 lượng mưa ít hơn so với mọi năm và so với dự tính của Công ty nên sản lượng điện 6 tháng đầu năm 2013 giảm đáng kể, kéo theo Doanh thu và lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2013 giảm theo.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

- So với năm 2011, tình hình thời tiết khí hậu năm 2012 tương đối thuận lợi, mùa mưa đến sớm hơn và lưu lượng nước về lòng hồ nhiều và tương đối ổn định, sản lượng điện sản xuất năm 2012 tăng đáng kể so với năm 2011.
- Công ty đã tính toán vận hành kinh tế để khai thác hiệu quả nguồn nước đặc biệt là trong mùa mưa, phối hợp tốt với các đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Đặc biệt đã triển khai một số công tác như nạo vét lòng hồ, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ máy móc thiết bị nhà máy, đã góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đề ra.
- Lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo thống nhất và đưa ra những quyết định kịp thời phù hợp với tình hình biến động của thị trường cũng như những cấp bách trong quá trình SXKD để duy trì mọi hoạt động của Công

ty một cách tốt nhất.

- Quan hệ đối ngoại tốt với cơ quan Ngân hàng, thuế trên địa bàn tỉnh, kết hợp chặt chẽ với đối tác trong công tác tiêu thụ điện thương phẩm như Điện lực Gia Lai, Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, đảm bảo thu hồi vốn nhanh đem lại hiệu quả.
- Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, thí nghiệm hiệu chỉnh máy móc thiết bị. Chủ động tìm kiếm các nhà sản xuất có uy tín cung cấp nguồn hàng hoá vật tư, thiết bị máy móc thay thế dự phòng cho nhà máy, đảm bảo về số lượng, chất lượng cũng như chủng loại.Tổ chức tốt công tác tập huấn cho người lao động về An toàn và vệ sinh lao động.

Khó khăn

Năm 2012 là năm kinh tế đất nước tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng suy giảm kinh tế thế giới và chính sách tài chính, tiền tệ thắt chặt của Chính phủ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II cũng như một số doanh nghiệp khác phải đối mặt với một số khó khăn, thử thách như giá nguyên nhiên vật liệu, vật tư phụ tùng thay thế, phục vụ sản xuất tăng cao, thiết bị nhà máy thủy điện đã đến thời kỳ trung tu, sửa chữa lớn nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành;

- Xét về công suất lắp đặt *(8,1 MW)*, sản lượng trung bình hàng năm *(55 triệu KWh)* và vốn điều lệ *(51,2 tỷ đồng)*, rõ ràng Công ty chỉ chiếm một thị phần rất nhỏ trong thị trường cung cấp điện quốc gia.
- Lợi thế cạnh tranh của Công ty là sự tinh gọn trong cơ cấu tổ chức và vận hành. Lực lượng lao động của Công ty có trình độ vận hành, điều độ sản xuất cao. Bên cạnh đó, các thiết bị máy móc và công nghệ điều khiển nhà máy hiện đại, đạt tiêu chuẩn châu Âu và được cung cấp bởi các tập đoàn cung cấp thiết bị công nghiệp và công nghệ tự động hóa hàng đầu trên thế giới. Nhờ đó, trong những năm qua, bất chấp điều kiện thời tiết không thuận lợi, Công ty luôn phát huy được tối ưu năng lực của máy móc thiết bị và đảm bảo chất lượng điện thương phẩm cung cấp.
- Dưới đây là bảng phân tích tóm tắt các thế mạnh/thuận lợi *(Strengths)*, Điểm yếu/khó khăn *(Weaknesses)*, Cơ hội *(Opportunities)* và Thách thức *(Threats)* đối với Công ty:

Phân tích SWOT của Công ty

Thế mạnh/Thuận lợi	Cơ hội
- Sản phẩm điện thương phẩm do Công ty sản xuất được Công ty Điện 3- Điện lực Gia Lai bao tiêu toàn bộ trong suất thời gian 20 năm nên đầu ra của Công ty được đảm bảo. - Nhà máy được xây dựng trên sông Sê San, một	- Thị trường ngành điện Việt Nam nhu cầu tiếp tục tăng nhanh hơn nguồn cung cấp trong những năm sắp tới. - Phát triển thủy điện nằm trong chiến lược ưu tiên phát triển nguồn phát điện của nước ta cho tới

trong những con sông giàu tiềm năng thủy điện nhất tại nước ta. Suất đầu tư của xây dựng nhà máy là rất cạnh tranh *(1025 USD/1KW)* so với các nhà máy thủy điện khác. - Công ty sở hữu hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến đảm bảo vận hành đạt hiệu suất cao và an toàn. - Công ty có cơ cấu đội ngũ lao động khá tinh gọn. Cán bộ công nhân viên Công ty có trình độ chuyên môn và năng lực điều độ sản xuất cao, giàu tinh thần trách nhiệm. - Công ty được sự hỗ trợ to lớn của Tổng Công ty Sông Đà về nhân lực và công nghệ.	2020. Do đó, các doanh nghiệp thủy điện tiếp tục nhận được nhiều ưu đãi, hỗ trợ từ phía Nhà nước. - Công ty có định hướng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn rõ ràng. Chiến lược đa dạng hóa sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty hứa hẹn đem tới bước phát triển về doanh thu và lợi nhuận.
Điểm yếu/Khó khăn	**Thách thức**
Sản phẩm chủ đạo của Công ty là điện thương phẩm. Trong điều kiện thị trường ngành điện còn tồn tại tình trạng độc quyền về mua và bán điện, Công ty ít có khả năng tạo nên đột biến trong kết quả sản xuất kinh doanh nếu không đa dạng hóa sang các lĩnh vực kinh doanh khác	- Trong giai đoạn sắp tới, khi nước ta bắt đầu hình thành thị trường mua bán điện cạnh tranh, Công ty phải nỗ lực để giảm giá thành sản xuất, cải tiến công nghệ, tìm kiếm khách hàng. - Trong tương lai sẽ có những nguồn năng lượng mới cạnh tranh hoặc thay thế thủy năng để sản xuất ra điện năng *(năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng nguyên tử...)*. Tuy nhiên việc phát triển và tận dụng những nguồn năng lượng mới này ở nước ta sẽ đòi hỏi một thời gian tương đối dài.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Tương tự mục IV.8.2

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tổ chức vận hành nhà máy đảm bảo an toàn và đạt hiệu quả cao nhất. Phấn đấu đạt sản lượng điện thương phẩm trung bình hàng năm từ 52 triệu Kwh/năm trở lên và hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đông cổ đông thông qua hàng năm.
- Tiếp tục đẩy mạnh thi công các hạng mục công trình thuộc dự án Thuỷ điện Hà Tây, như hạng mục Đê

quây, kênh dẫn dòng,... đảm bảo hoàn thành trước mùa mưa lũ để cho công tác thi công các hạng mục tiếp theo, như Đập dâng, Đập tràn, Nhà máy được thuận lợi và kịp với tiến độ.

- Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ về quản lý kinh tế, kỹ thuật, vận hành. Tìm kiếm thêm việc làm bên ngoài, đặc biệt là công tác Tư vấn giám sát lắp đặt, đồng bộ, thử nghiệm thiết bị và Tư vấn hướng dẫn giám sát, quản lý vận hành giai đoạn đầu cho các nhà máy thuỷ điện nhỏ, để tạo điều kiện nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Tuyển dụng lực lượng lao động có trình độ chuyên môn từ 100 người đến 140 người bổ sung cho hoạt động xây lắp và đảm bảo phục vụ cho công tác quản lý vận hành Nhà máy Thuỷ điện Hà Tây khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động.
- Xây dựng và phát triển nguồn lực con người mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, với trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực quản lý và ứng dụng công nghệ mới.
- Tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý, điều hành thiết kế thi công.
- Không ngừng nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần cho CBCNV. Tiếp tục xây dựng văn hoá doanh nghiệp mang bản sắc riêng.
- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư, tối đa hoá lợi nhuận, đem lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông. Hoàn thành tốt nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước thông qua các loại thuế, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách với người lao động.

Như vậy, có thể thấy Định hướng phát triển, mục tiêu hoạt động của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành và chính sách của Nhà nước.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong công ty

Tổng số CBCNV làm việc tại Công ty tính tại thời điểm 30/06/2013 là 81 người.

STT	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %
1	Đại học và trên Đại học	12	14,82
2	Cao đẳng	04	4,94
3	Trung học chuyên nghiệp	01	1,23
4	Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	64	79,01
	Tổng cộng	**81**	**100,00**

Nguồn: RHC

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Công ty luôn đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của Luật Lao động như: trích nộp đầy đủ và đúng hạn bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nâng lương đúng hạn…
- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và doanh thu; đồng thời cũng áp dụng những biện pháp, qui định xử phạt nghiêm minh đối với những cán bộ công nhân viên vi phạm nội qui, kỷ luật lao động.
- Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.
- Công ty luôn chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên giúp người lao động yên tâm công tác *(cấp nhà ở, tổ chức bếp ăn tập thể, bếp ăn tại chỗ, thăm hỏi động viên người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, tặng quà các ngày lễ tết, đảm bảo an ninh trật tự ...)*. Bên cạnh đó, chi bộ Công ty thường xuyên chỉ đạo các tổ chức đoàn thể xây dựng và triển khai thực hiện các phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao, giao lưu học hỏi kinh nghiệm với các đơn vị trên địa bàn để nâng cao tinh thần đoàn kết, tương trợ học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

Nhờ thực hiện tốt chính sách đối với người lao động, Công ty đã vinh dự được nhận bằng chứng nhận của Bộ Xây dựng về "Đơn vị tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc của công nhân viên chức ngành Xây Dựng năm 2004" và bằng khen của Bộ Xây dựng về tổ chức tốt phong trào vì môi trường "Xanh, Sạch, Đẹp" và "An toàn vệ sinh lao động"...

10. Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ năm 2002. Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định. Cụ thể, RHC chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cũng như các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình ĐHĐCĐ quyết định. Tùy theo tình hình thực tế, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức cổ tức dự kiến.

Chi tiêu	2011	2012
Tỷ lệ cổ tức chi trả	17%	15%

Nguồn: RHC

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh tại thời điểm 30/06/2013:

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Vốn chủ sở hữu	Ghi chú
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.125.288.540	
Tài sản cố định	69.249.956.333	
Tổng cộng	**70.375.244.873**	

Nguồn: RHC

- Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - năm

- Mức lương bình quân:

Năm 2011 mức lương bình quân của CBCNV là: 8.320.000 đồng

Năm 2012 mức lương bình quân của CBCNV là: 7.831.000 đồng

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

- Các khoản phải nộp theo luật định:

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	889.940.729	1.766.933.879	1.210.792.017
Thuế TNDN	654.048.662	1.203.316.129	49.786.467
Thuế Thu nhập cá nhân	188.770.828	82.562.671	179.027.135
Thuế tài nguyên	342.317.554	508.483.621	274.812.750
Tổng cộng	**2.075.077.773**	**3.561.296.300**	**1.714.418.369**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2012 và BCTC soát xét hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013 của RHC

- Trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Quỹ Đầu tư phát triển	9.548.207.319	12.380.535.638	17.144.733.638
Quỹ Dự phòng tài chính	3.200.000.000	3.825.603.172	4.528.091.594
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(864.351.562)	(406.551.562)	641.211.659
Tổng cộng	**11.883.855.757**	**15.799.587.248**	**22.314.036.891**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2012 và BCTC soát xét hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013 của RHC

- Tổng dư nợ vay

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2011		31/12/2012		30/06/2013	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Vay và nợ ngắn hạn	32.581.861.440	77,34%	33.169.774.286	94,31%	54.988.350.353	92,59%
Vay và nợ dài hạn	9.544.203.556	22,66%	2.000.000.000	5,69%	4.397.750.000	7,41%
Tổng dư nợ vay	**42.126.064.996**	**100,00%**	**35.169.774.286**	**100,00%**	**59.386.100.353**	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2012 và BCTC soát xét hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013 của RHC

- Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu của RHC

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Phải thu khách hàng	5.873.701.176	9.914.271.334	3.875.330.879
Trả trước người bán	1.493.152.600	1.478.977.000	13.931.279.055
Các khoản phải thu khác	7.371.261.409	7.840.108.789	8.631.164.181
Tổng cộng	**14.738.115.185**	**19.233.357.123**	**26.437.774.115**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2012 và BCTC soát xét hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013 của RHC

Các khoản phải trả của RHC

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
Nợ ngắn hạn	**41.066.665.677**	**44.652.476.336**	**72.027.504.148**
Vay và nợ ngắn hạn	32.581.861.440	33.169.774.286	54.988.350.353
Phải trả người bán	1.570.940.902	676.416.750	379.606.250
Người mua trả tiền trước	314.780.000	314.780.000	314.780.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.075.077.773	3.561.296.300	1.714.418.369
Phải trả người lao động	526.479.756	1.994.588.680	1.280.648.033
Chi phí phải trả	-	149.130.259	391.119.059
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.997.525.806	4.786.490.061	12.958.582.084
Nợ dài hạn	**9.544.203.556**	**2.000.000.000**	**4.379.750.000**
Vay và nợ dài hạn	9.544.203.556	2.000.000.000	4.379.750.000
Tổng cộng	**50.610.869.233**	**46.652.476.336**	**76.407.254.148**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2012 và BCTC soát xét hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013 của RHC

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2011	NĂM 2012

STT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	NĂM 2011	NĂM 2012
1.	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,74	0,82
	Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,68	0,76
2.	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,36	0,33
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,65	0,57
3.	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	7,19	9,24
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0,35	0,37
4.	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	24,13	26,48
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	16,45	17,15
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,34	9,69
	Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	23,54	21,46
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	2.329	2.647

Nguồn: RHC

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Ông **Khương Đức Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên	:	**KHƯƠNG ĐỨC DŨNG**						
Giới tính	:	Nam						
Số CMND	:	012398606	Ngày cấp	:	29/01/2001	Nơi cấp	:	CA Hà Nội
Ngày sinh	:	13/05/1963	Nơi sinh	:	Hà Nội			
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	:	Kinh			
Địa chỉ thường trú	:	Số 10 khu B Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội						
Quê quán	:	Xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định						

Số điện thoại	:	0913450751
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư kinh tế ngành Quản trị doanh nghiệp, Kỹ sư công nghệ hàn
Quá trình công tác	:	
– Từ tháng 1/1987 - tháng 10/2003	:	Công tác tại các đơn vị thuộc TCT Sông Đà: - Công ty cung ứng vật tư Sông Đà thuộc TCT Xây dựng Thủy điện Sông Đà: Tham gia xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Bình; - Chi nhánh Công ty Vật tư - Thiết bị Quy Nhơn; Công ty SX&KD VTVT Sông Đà 16; Công ty Sông Đà 3 thuộc TCT Sông Đà: Tham gia xây dựng các nhà máy Thủy điện Yaly, Sê San 3, Sê San 3A, ...
– Từ tháng 11/2003 - tháng 3/2010	:	Công tác tại Cơ quan TCT Sông Đà; Ban điều hành dự án Thủy điện Xekaman 3 *(Lào)*: Tham gia xây dựng Nhà máy Thủy điện Xekaman 3 *(Lào)*.
– Từ tháng 4/2010 đến nay	:	Công tác tại Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly thuộc TCT Sông Đà; kiêm nhiệm công tác tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		:	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác		:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly
Sổ lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 12/04/2013		:	1.311.904 cổ phần, chiếm 25,62% vốn điều lệ
Trong đó:	Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần
	Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà	:	1.311.904 cổ phần
Sổ lượng cổ phiếu RHC do người có liên quan nắm giữ		:	không
Các khoản nợ với Công ty		:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty		:	Không có

Ông Khúc Đình Dương - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	:	**KHÚC ĐÌNH DƯƠNG**
Giới tính	:	Nam
Số CMND	:	012919326 Ngày cấp : 22/10/2006 Nơi cấp : CA Hà Nội

Ngày sinh	:	19/12/1973 Nơi sinh : Thị xã Tuyên Quang
Quốc tịch	:	Việt Nam Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội
Quê quán	:	Việt Hưng, Văn Lâm, Hưng Yên
Số điện thoại	:	0905316899
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	:	
– Từ 07/1992 đến 05/1998	:	Nhân viên Ban Tài chính Kế toán - Xí nghiệp điện nước thuộc Công ty Xây lắp năng lượng Sông Đà
– Từ 05/1998 đến 11/2002	:	Trưởng Ban Tài chính kế toán Nhà máy Thủy điện Ry Ninh II
– Từ 04/2008 đến 07/2009	:	Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II
– Từ 07/2009 đến 01/2010	:	Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II ; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên
– Từ 01/2010 đến 11/2010	:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II ; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên
– Từ 11/2010 đến 11/2011	:	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II ; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên
– Từ 11/2011 đến 03/2013	:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II; Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà ; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên

– Từ 03/2013 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên
Sổ lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 11/03/2013	:	32 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	32 cổ phần
Sổ lượng cổ phiếu RHC do người có liên quan nắm giữ	:	không
Các khoản nợ với Công ty	:	không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	không có

Ông Nguyễn Khắc Hiệp - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	:	**NGUYỄN KHẮC HIỆP**
Giới tính	:	Nam
Số CMND	:	012600147 Ngày cấp : 03/05/2012 Nơi cấp : CA Hà Nội
Ngày sinh	:	06/02/1962 Nơi sinh : Thành phố Thanh Hóa
Quốc tịch	:	Việt Nam Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 2, cụm 4, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Quê quán	:	Thành phố Thanh Hóa
Số điện thoại	:	0973231568
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	

- Từ 11/1985 - 02/1987 : Công tác tại Công ty XDCT ngầm - TCT XD Thủy điện Sông Đà - TX Hòa Bình
- Từ 03/1987 - 01/1988 : Công tác tại XN Thủy công 6 - TCT XD Thủy điện Sông Đà - Trị An Đồng Nai
- Từ 04/1988 - 10/1989 : Công tác tại Công ty XDCT ngầm - TCT XD Thủy điện Sông Đà - TX Hòa Bình
- Từ 11/1989 - 02/1998 : Công tác tại Công ty Sông Đà 4 - TCT Sông Đà - Gia Lai
- Từ 03/1998 - 08/1998 : Đại diện TCT Sông Đà tại miền Trung
- Từ 09/1998 - 10/2001 : Công tác tại TCT Sông Đà - Hà Nội
- Từ 11/2001 - 08/2002 : Công tác tại Công ty Sông Đà 4 - TCT Sông Đà - Gia Lai
- Từ 09/2002 - 10/2007 : Công tác tại ban điều hành Dự án Thủy điện Sê San 3 - TCT Sông Đà - Gia Lai
- Từ 11/2007 - 01/2013 : Công tác tại Công ty Sông Đà 3 - TCT Sông Đà - Gia Lai
- Từ 02/2013 - nay : Công tác tại Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom - TCT Sông Đà - Bình Định

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thủy điện Trà Xom
Sổ lượng cổ phiếu RHC đang nắm giữ tại thời điểm 12/04/2013	:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Sổ lượng cổ phiếu RHC do người có liên quan nắm giữ	:	không
Các khoản nợ với Công ty	:	không có

Lợi ích có liên quan với Công ty : không có

12.2. Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Nam - Tổng Giám đốc

Họ và tên	:	**NGUYỄN THÀNH NAM**
Giới tính	:	Nam
Số CMND	:	113165020 Ngày cấp : 02/03/2001 Nơi cấp : Hòa Bình
Ngày sinh	:	12/03/1958 Nơi sinh : Nam Thái - Nam Trực - Nam Định
Quốc tịch	:	Việt Nam Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú	:	35 Tân Xa, Xa La, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
Quê quán	:	Nam Thái - Nam Trực - Nam Định
Số điện thoại	:	0914168558
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác	:	
– Từ 06/1983 đến 12/1988	:	Là kỹ sư tại Sông Đà 10
– Từ 01/1989 đến 12/1995	:	Là kỹ sư tại Công ty lắp máy 10
– Từ 01/1996 đến 08/1999	:	Là Phó Giám đốc Xí nghiệp 11-2 - Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà 11
– Từ 09/1999 đến 10/2000	:	Là Phó ban quản lý dự án Ry Ninh II - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà - Thủy điện Yaly - Chư Pảh - Gia Lai
– Từ 11/2000 đến 03/2009	:	Là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II
– Từ 04/2009 đến nay	:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên
Số lượng cổ phiếu RHC đang nắm giữ tại thời điểm 11/03/2013	:	582.060 cổ phần, chiếm 11,37% vốn điều lệ

Trong đó:	Sở hữu cá nhân	:	70.060 cổ phần
	Đại diện sở hữu phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà	:	512.000 cổ phần
Sổ lượng cổ phiếu RHC do người có liên quan nắm giữ		:	
- Vợ		:	5.600 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ
- Con		:	4.140 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ
Các khoản nợ với Công ty		:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty		:	Không có

Ông Đoàn Ngọc Phiêu - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	:	**ĐOÀN NGỌC PHIÊU**						
Giới tính	:	Nam						
Số CMND	:	230880532	Ngày cấp	:	15/10/2007	Nơi cấp	:	Gia Lai
Ngày sinh	:	25/09/1960	Nơi sinh	:	Hải Thành - Hải Hậu - Nam Định			
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	:	Kinh			
Địa chỉ thường trú	:	Yaly - Chư Pảh - Gia Lai						
Quê quán	:	Hải Trung - Hải Hậu - Nam Định						
Số điện thoại	:	0914033479						
Trình độ văn hóa	:	12/12						
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí						
Quá trình công tác	:							
– Từ 08/1979 đến 09/1984	:	Trung cấp cơ khí tại Công ty Công trình ngầm						
– Từ 10/1984 đến 04/1988	:	Học chuyên tu cơ khí tại Đại học Thái Nguyên						
– Từ 05/1988 đến 12/1993	:	Là Quản đốc tại Công ty Công trình ngầm						
– Từ 01/1994 đến 07/1998	:	Giáo viên trường Công nhân kỹ thuật 3						
– Từ 08/1998 đến 08/2000	:	Đội trưởng Công ty Cơ khí lắp máy Sông Đà 21						

– Từ 10/2000 đến 12/2002	:	Đội trưởng - Công ty Sông Đà 11
– Từ 01/2003 đến 04/2009	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II
– Từ 04/2009 đến nay	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên
Sổ lượng cổ phiếu RHC đang nắm giữ tại thời điểm 11/03/2013	:	12.960 cổ phần, chiếm 0,25% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	12.960 cổ phần
Sổ lượng cổ phiếu RHC do người có liên quan nắm giữ	:	không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

12.3. Ban Kiểm soát

Ông Trần Bình Nhưỡng - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên	:	**TRẦN BÌNH NHƯỠNG**						
Giới tính	:	Nam						
Số CMND	:	230979814	Ngày cấp	:	23/06/2010	Nơi cấp	:	Gia Lai
Ngày sinh	:	25/07/1974	Nơi sinh	:	Xã Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định			
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	:	Kinh			
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 4 - phường Thống Nhất - Thành phố Pleiku - Tỉnh Gia Lai						
Quê quán	:	Xã Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định						
Số điện thoại	:	0905011774						
Trình độ văn hóa	:	12/12						
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế						

Quá trình công tác :

- Từ 03/1998 - 03/2006 : Công tác tại Phòng TC-KT Công ty Cổ phần Sông Đà 6
- Từ 03/2006 - 07/2007 : Công tác tại Phòng TC-KT Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 3A
- Từ 07/2007 - 07/2010 : Trưởng Phòng TC-KT Ban điều hành Dự án Thủy điện Sê San 4
- Từ 07/2010 - 04/2012 : Trưởng Phòng TC-KT Ban điều hành Dự án Thủy điện Sê San 4, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly
- Từ 04/2012 - nay : Trưởng Phòng TC-KT Ban điều hành Dự án Thủy điện Sê San 4, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Trưởng Phòng TC-KT Ban điều hành Dự án Thủy điện Sê San 4, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly
Sổ lượng cổ phiếu SJD đang nắm giữ tại thời điểm 10/07/2013	:	256.000 cổ phần, chiếm 5,00% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần
Đại diện sở hữu phần vốn TCT Sông Đà	:	256.000 cổ phần
Sổ lượng cổ phiếu RHC do người có liên quan nắm giữ	:	không
Các khoản nợ với Công ty	:	không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	không có

Ông Hoàng Văn Chiến - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : **HOÀNG VĂN CHIẾN**

Giới tính : Nam

Số CMND : 017299998 Ngày cấp : 27/08/2011 Nơi cấp : Hà Nội

Ngày sinh	:	01/10/1980	Nơi sinh	:	Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nam Định
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Số nhà 17 ngõ 7 An Hòa, Hà Đông, Hà Nội			
Quê quán	:	Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nam Định			
Số điện thoại	:	0988.775.589			
Trình độ văn hóa	:	12/12			
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế			
Quá trình công tác	:				
– Từ tháng 7/2000 - tháng 4/2008	:	Kế toán tại Công ty Xây dựng Sông Đà 3			
– Từ tháng 4/2008 - tháng 7/2008	:	Kế toán tại Công ty Xây dựng Sông Đà 3; Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II			
– Từ tháng 7/2008 - tháng 8/2009	:	Phó Kế toán trưởng, Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II			
– Từ 9/2009 đến nay	:	Phó trưởng phòng QLRR tại Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II			

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Phó trưởng phòng QLRR - Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà
Số lượng cổ phiếu RHC đang nắm giữ tại thời điểm 11/03/2013	:	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu RHC do người có liên quan nắm giữ	:	không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

Ông Bùi Quốc Hoa - Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	:	**BÙI QUỐC HOA**						
Giới tính	:	Nam						
Số CMND	:	230940309	Ngày cấp	:	14/09/2009	Nơi cấp	:	Gia Lai
Ngày sinh	:	01/05/1964	Nơi sinh	:	Ngọc Lương, Yên Thủy, Hòa Bình			
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	:	Kinh			
Địa chỉ thường trú	:	Yaly, Chư Pảh, Gia Lai						

Quê quán	:	Ngọc Lương, Yên Thủy, Hòa Bình
Số điện thoại	:	01689.429.579
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân điện
Quá trình công tác	:	
– Từ tháng 3/1983 - tháng 7/1984	:	Làm tại Xí nghiệp Công nghiệp 2
– Từ tháng 8/1984 - tháng 7/1992	:	Làm tại Công trình ngầm.
– Từ tháng 8/1992 - tháng 3/1996	:	Đi học
– Từ tháng 04/1996 - tháng 12/1998	:	Làm việc tại Phòng kỹ thuật Xí nghiệp 11-2 – Công ty Sông Đà 11
– Từ 01/1999 đến 2008	:	Làm việc tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II
– Từ 2008 đến nay	:	Làm việc tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II, Thành viên Ban kiểm soát Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Thành viên BKS
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số lượng cổ phiếu RHC đang nắm giữ tại thời điểm 11/03/2013	:	4.112 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	4.112 cổ phần
Số lượng cổ phiếu RHC do người có liên quan nắm giữ	:	không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

12.4. Kế toán trưởng

Họ và tên	:	**LƯU XUÂN TOẢN**						
Giới tính	:	Nam						
Số CMND	:	135273190	Ngày cấp	:	21/08/2003	Nơi cấp	:	Vĩnh Phúc
Ngày sinh	:	15/03/1974	Nơi sinh	:	Đại Thịnh, Mê Linh, Vĩnh Phúc			
Quốc tịch	:	Việt Nam	Dân tộc	:	Kinh			

Địa chỉ thường trú	:	Đại Bá, Đại Thịnh, Mê Linh, Vĩnh Phúc
Quê quán	:	Đại Bá, Đại Thịnh, Mê Linh, Vĩnh Phúc
Số điện thoại	:	0982.294.440
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác	:	
– Từ tháng 7/2000 - tháng 10/2009	:	Kế toán tại Xí nghiệp 801 – Công ty Xây dựng Sông Đà 8
– Từ tháng 11/2009 - tháng 4/2010	:	Phó Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II.
– Từ tháng 5/2010 đến nay	:	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II.

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Sổ lượng cổ phiếu RHC đang nắm giữ tại thời điểm 11/03/2013	:	2.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ
Trong đó: Sở hữu cá nhân	:	2.000 cổ phần
Sổ lượng cổ phiếu RHC do người có liên quan nắm giữ	:	không
Các khoản nợ với Công ty	:	Không có
Lợi ích có liên quan với Công ty	:	Không có

13. Tài sản

Tình hình TSCĐ của RHC tại ngày 31/12/2012

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
TSCĐ Hữu hình	**163.697.320.498**	**86.424.325.196**	**77.272.995.302**
Nhà cửa vật kiến trúc	114.423.139.385	57.130.902.431	57.292.236.954
Máy móc thiết bị	46.901.940.928	27.511.292.077	19.390.648.851
Phương tiện vận tải	2.254.938.973	1.699.601.659	555.337.314

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
Thiết bị quản lý	117.301.212	82.529.029	34.772.183

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2012 của RHC

Tình hình TSCĐ của RHC tại ngày 30/06/2013

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ	KHẤU HAO LŨY KẾ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
TSCĐ Hữu hình	**164.765.079.335**	**87.356.098.006**	**77.408.981.329**
Nhà cửa vật kiến trúc	115.375.789.131	57.724.051.482	57.651.737.649
Máy móc thiết bị	46.901.940.928	27.834.178.740	19.067.762.188
Phương tiện vận tải	2.336.638.973	1.712.299.258	624.339.715
Thiết bị quản lý	150.710.303	85.568.526	65.141.777

Nguồn: BCTC soát xét hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013 của RHC

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của RHC: không có

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành: không có.

VI. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn**

2. Loại cổ phiếu: **phổ thông**

3. Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phần**

4. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: **5.120.000 *(Năm triệu, một trăm hai mươi nghìn)* cổ phiếu**

5. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:

Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): 51.200.000.000 *(Năm mươi mốt tỷ, hai trăm triệu)* đồng.

6. Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2013 - 2014

Trong thời hạn 90 ngày và thời gian gia hạn phát hành *(nếu cần)* kể từ ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu.

7. Tỷ lệ chuyển đổi

- RHC : SJD = 1: 1 *(Nghĩa là 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II đổi lấy 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn).*

Nguyên tắc làm tròn: Do tỷ lệ hoán đổi là 1:1 nên không phát sinh cổ phiếu lẻ.

8. Đối tượng chuyển đổi

Toàn bộ cổ đông có tên trong Danh sách người sở hữu cuối cùng cổ phiếu RHC tại ngày Đăng ký cuối cùng hưởng quyền nhận cổ phiếu hoán đổi.

9. Phương thức phân phối

- Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: hoán đổi thông qua các thành viên lưu ký;
- Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: hoán đổi tại trụ sở chính của RHC. Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II xuất trình chứng minh thư nhân dân và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần để được hoán đổi thành Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cổ phần SJD.

10. Thời gian và lịch trình thực hiện phân phối cổ phiếu

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện *(ngày làm việc)*
1	Nhận Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán từ UBCKNN.	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông RHC hưởng quyền hoán đổi cổ phiếu SJD.	D đến D+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số báo liên tiếp.	D đến D+7

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện *(ngày làm việc)*
4	Nộp Hồ sơ hủy niêm yết cổ phiếu RHC	D+4
5	Nhận chấp thuận Hủy niêm yết cổ phiếu RHC	D+14
6	Ngày giao dịch không hưởng quyền hoán đổi cổ phiếu của cổ đông RHC, ngày hủy niêm yết cổ phiếu RHC	D+24
7	Ngày đăng ký cuối cùng.	D+26
8	Tổng hợp danh sách cổ đông RHC thực hiện hoán đổi.	D+32
10	Tiến hành hoán đổi cổ phiếu.	D+33 đến D+53
11	- Báo cáo UBCKNN kết quả đợt phát hành. - Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung.	D+33 đến D+40
13	Nhận Giấy phép Lưu ký bổ sung và Đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu SJD.	D+62
14	Công bố thông tin về việc niêm yết bổ sung cổ phiếu SJD.	D+63
15	Cổ phiếu SJD phát hành thêm chính thức giao dịch tại HSX.	D+70

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài

Theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam: "Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài *(bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu)* không vượt quá 49% vốn điều lệ của một công ty đại chúng".

- Tại thời điểm 20/03/2013, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu SJD của các nhà đầu tư nước ngoài là 27,97%.
- Tại thời điểm 11/03/2013, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu RHC của các nhà đầu tư nước ngoài là 6,78%.

Sau khi sáp nhập, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài tại SJD dự kiến là 25,33 % *(tính trên vốn điều lệ dự kiến sau sáp nhập)*, tỷ lệ sở hữu vẫn đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phiếu SJD phát hành thêm để hoán đổi lấy cổ phiếu RHC được tự do chuyển nhượng.

13. Cam kết tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2005 về sáp nhập và sửa đổi Điều lệ sau sáp nhập theo đúng quy định hiện hành và các quy định của Luật cạnh tranh

- Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn cam kết tuân thủ các quy định về sáp nhập doanh nghiệp được quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2005.
- Sau sáp nhập, Điều lệ hoạt động Công ty nhận sáp nhập *(Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn)* sẽ được sửa đổi cho phù hợp với quy mô vốn mới và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

14. Các loại thuế có liên quan

Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán

Thuế thu nhập cá nhân

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định:

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập cổ tức:*

Theo qui định trong Thông tư số 84/2008/TT-BTC *"Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân"*, ban hành ngày 30/09/2008, và Thông tư số 62/2009/TT-BTC "Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC" ban hành ngày 27/03/2009, nhà đầu tư sẽ phải đóng thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ cổ tức *(đối với cổ tức bằng tiền)*. Khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ đầu tư vốn.

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = cổ tức nhận được x thuế suất 5%.

Theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 "*Nghị quyết về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân*", ban hành ngày 06/08/2011, tiết 3 điều 1 quy định miễn thuế thu nhập cá nhân như sau: "*Miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 đối với cổ tức được chia cho cá nhân từ hoạt động đầu tư vào thị trường chứng khoán, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp trừ cổ tức của các ngân hàng cổ phần, quỹ đầu tư tài chính, tổ chức tín dụng*"

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

Cũng theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC. thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại khác theo quy định của Luật Chứng khoán thuộc diện thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 20%

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Cách tính thuế phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 0,1%

Mọi trường hợp chuyển nhượng chứng khoán không phân biệt nộp thuế theo thuế suất 0,1% hay 20% đều phải khấu trừ thuế trước khi thanh toán cho người chuyển nhượng. Căn cứ để xác định số thuế khấu trừ là giá chuyển nhượng chưa trừ các khoản chi phí nhân với thuế suất 0,1%.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Hiện tại, Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn được hưởng chính sách ưu đãi Thuế Thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Theo Giấy phép Đầu tư số 04/GP-ĐTTN ngày 15/09/1999 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 04/GPĐT-ĐTTN ngày 28/05/2001, Công ty được ưu đãi theo mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20%, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 09 năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ sản xuất và kinh doanh điện;
- Theo Công văn số 11996/BTC-CST ngày 05/09/2012 của Bộ Tài chính về việc chuyển đổi thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp BOT, Công ty được hưởng ưu đãi theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm kể từ năm 2010.

Các loại thuế khác

Các loại thuế và mức thuế suất khác tuân thủ theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán cổ phiếu

Phát hành 5.120.000 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II theo phương án được thông qua tại Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 28/06/2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn và Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên của Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II.

2. Phương án khả thi

2.1 Hình thức sáp nhập

SJD phát hành cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ số cổ phiếu của RHC do các cổ đông RHC nắm giữ theo tỷ lệ được các bên thống nhất. Cổ đông của RHC sẽ chuyển thành cổ đông của SJD, có đầy đủ quyền và nghĩa vụ như những cổ đông hiện hữu của SJD. RHC sẽ có duy nhất một chủ sở hữu là SJD. Sau sáp nhập, RHC sẽ chuyển đổi từ mô hình công ty cổ phần sang Chi nhánh của SJD.

2.2 Tỷ lệ hoán đổi cổ phần:

- RHC : SJD = 1: 1. Theo đó, 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II đổi lấy 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn

Cơ sở xác định tỷ lệ chuyển đổi:

- Tỷ lệ hoán đổi được xác định dựa trên kết quả định giá cổ phiếu SJD, RHC theo phương pháp chiết khấu dòng tiền, tỷ lệ hoán đổi được làm tròn đến 02 chữ số sau dấu thập phân.
- Căn cứ trên cơ sở tỷ lệ xác định hoán đổi cổ phần, đề xuất của Hội đồng quản trị, tỷ lệ hoán đổi cổ phần được Đại hội đồng cổ đông của SJD, RHC thông qua.

Phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF):

Giá cổ phiếu được xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền dựa trên các căn cứ sau:

- Dự phóng báo cáo tài chính của doanh nghiệp giai đoạn từ 31/12/2013 đến 31/12/2022;
- (FCFF) là dòng tiền dự kiến có thể tạo ra trong tương lai và là dòng tiền thuộc về các chủ nợ và các cổ đông của công ty;

  FCFF = EBIT*(1 - t) – (CAPEX – Khấu hao) - Thay đổi ròng vốn lưu động
- vững từ năm 2022 trở về sau[7] và tốc độ tăng trưởng bền vững trong dài hạn được giả định ở mức 2% *(tương đương với tốc độ tăng trưởng gộp CAGR của dòng tiền);*
- Sử dụng chi phí vốn bình quân gia quyền (WACC) để chiết khấu dòng tiền tương lai của doanh nghiệp về thời điểm hiện tại;

---

[7] *Do dự án Nhà máy thủy điện Cần Đơn được đầu tư xây dựng và vận hành theo hình thức BOT với thời hạn 25 năm kể từ năm đi vào vận hành, như vậy Kỳ dự báo tương đương với vòng đời còn lại của Nhà máy là 16 năm (kết thúc năm 2028).*

Giá trị vốn chủ sở hữu = Giá trị toàn doanh nghiệp + Tiền & các khoản tương đương tiền – Vay nợ ngắn và dài hạn.

Tỷ lệ hoán đổi theo phương pháp chiết khấu dòng tiền:

Chỉ tiêu	SJD	RHC
Giá cổ phiếu (đồng/ cổ phần)	27.536	27.358
Tỷ lệ hoán đổi		0,994
Tỷ lệ làm tròn		1,000

*** *Ghi chú:*** *- Tỷ lệ 1 tức là 1 cổ phiếu RHC đổi được 1 cổ phiếu SJD.*

Căn cứ vào tỷ lệ hoán đổi được tính toán ở trên, số lượng cổ phần SJD cần phát hành thêm để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phần RHC *(SJD và RHC không sở hữu chéo nhau)* là:

Chỉ tiêu	TLHĐ	SLCP	SLCP SJD cần phát hành để hoán đổi
RHC	1:1	5.120.000	5.120.000

Như vậy số lượng cổ phần SJD cần phát hành thêm để hoán đổi toàn bộ cổ phần RHC là **5.120.000** cổ phần, theo đó vốn điều lệ của SJD sau sáp nhập sẽ là 409.991.500.000 *(bốn trăm linh chín tỷ, chính trăm chín mươi mốt triệu, năm trăm nghìn)* đồng

Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ: do tỷ lệ hoán đổi là 1:1 nên không có cổ phiếu lẻ phát sinh.

2.3 Hình thức hoạt động của RHC sau khi sáp nhập

RHC sẽ được chuyển đổi thành chi nhánh hạch toán phụ thuộc của SJD. Cơ cấu tổ chức của các chi nhánh được hình thành sau khi tổ chức lại RHC sẽ do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc SJD quyết định, phù hợp với Điều lệ mới của SJD được Đại hội đồng cổ đông của các bên có liên quan thông qua.

2.4 Phương án sử dụng và chính sách đối với người lao động sau sáp nhập

Phương án sử dụng lao động: tiếp tục sử dụng toàn bộ người lao động tại RHC trong năm đầu tiên ngay sau khi thực hiện sáp nhập. Sau 01 năm kể từ ngày hoàn tất việc sáp nhập, SJD có toàn quyền trong việc sử dụng lao động.

Chính sách đối với người lao động: trước mắt để tạo sự an tâm cho người lao động tại RHC thì chính sách lương, thưởng đối với người lao động tối thiểu sẽ được giữ nguyên như khi còn hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Sau 1 năm kể từ khi hoàn tất việc sáp nhập, tùy thuộc vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, SJD sẽ có quyền quyết định chính sách lương, thưởng đối với người lao động phù hợp với pháp luật và chính sách lương chung của SJD.

Ký kết lại hợp đồng với người lao động: Về nguyên tắc người lao động phải tiến hành ký kết lại Hợp đồng lao động với SJD sau khi công ty thực hiện chuyển đổi. Tuy nhiên, việc thanh lý hợp đồng với người lao động công

ty cổ phần không phải thanh toán trợ cấp thôi việc cho người lao động mà thời gian người lao động tại các chi nhánh trực thuộc SJD sẽ được tính luôn cả thời gian người lao động làm việc tại RHC.

VIII. VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT SÁP NHẬP

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, ĐHĐCĐ đã thông qua việc sáp nhập Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi *(NLC)* và Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II vào Công ty Thủy điện Cần Đơn bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu. Tổng số lượng dự kiến phát hành là 10.120.000 cổ phần để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của NLC và RHC. Việc phát hành được thực hiện trong một đợt và/hoặc tối đa 2 đợt trong vòng 12 tháng kể từ ngày nhận Giấy chứng nhận chào bán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Cụ thể Phương án sáp nhập NLC vào SJD theo hình thức hoán đổi cổ phiếu như sau:

1. Hình thức sáp nhập

SJD phát hành cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ số cổ phiếu của NLC do các cổ đông NLC nắm giữ theo tỷ lệ được các bên thống nhất. Cổ đông của NLC sẽ chuyển thành cổ đông của SJD, có đầy đủ quyền và nghĩa vụ như những cổ đông hiện hữu của SJD. NLC sẽ có duy nhất một chủ sở hữu là SJD. Sau sáp nhập, NLC sẽ chuyển đổi từ mô hình công ty cổ phần sang Chi nhánh của SJD.

2. Tỷ lệ hoán đổi cổ phần

- NLC : SJD = 1 : 1. Theo đó, 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi đổi lấy 01 cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn.

3. Số lượng cổ phần SJD cần phát hành để thực hiện sáp nhập

- Số lượng cổ phần SJD cần phát hành để sáp nhập NLC: 5.000.000 cổ phần
- Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ: Do tỷ lệ hoán đổi là 1:1 nên không phát sinh cổ phiếu lẻ.
- Ngày sáp nhập và hình thức hoạt động của NLC sau khi sáp nhập

Ngày sáp nhập là ngày mà SJD được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi sau khi hoàn tất việc sáp nhập. NLC sẽ được chuyển đổi thành chi nhánh hạch toán phụ thuộc của SJD. Cơ cấu tổ chức của các chi nhánh được hình thành sau khi tổ chức lại NLC sẽ do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc SJD quyết định, phù hợp với Điều lệ mới của SJD được Đại hội đồng cổ đông của các bên có liên quan thông qua.

4. Phương án sử dụng lao động

Phương án sử dụng lao động: tiếp tục sử dụng toàn bộ người lao động tại NLC trong năm đầu tiên ngay sau khi thực hiện sáp nhập. Sau 01 năm kể từ ngày hoàn tất việc sáp nhập, SJD có toàn quyền trong việc sử dụng lao động.

Chính sách đối với người lao động: trước mắt để tạo sự an tâm cho người lao động tại NLC thì chính sách lương, thưởng đối với người lao động tối thiểu sẽ được giữ nguyên như khi còn hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Sau 1 năm kể từ khi hoàn tất việc sáp nhập, tùy thuộc vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, SJD sẽ có quyền quyết định chính sách lương, thưởng đối với người lao động phù hợp với pháp luật và chính sách lương

chung của SJD.

Ký kết lại hợp đồng với người lao động: Về nguyên tắc người lao động phải tiến hành ký kết lại Hợp đồng lao động với SJD sau khi công ty thực hiện chuyển đổi. Tuy nhiên, việc thanh lý hợp đồng với người lao động công ty cổ phần không phải thanh toán trợ cấp thôi việc cho người lao động mà thời gian người lao động tại các chi nhánh trực thuộc SJD sẽ được tính luôn cả thời gian người lao động làm việc tại NLC.

5. Ngành nghề kinh doanh sau sáp nhập

Sau sáp nhập, Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn sẽ kế thừa toàn bộ ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi hiện tại.

Theo Nghị quyết HĐQT số 11/ NQ-HĐQT ngày 29/08/2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn quyết định tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện phát hành 5.120.000 cổ phần để hoán đổi cổ phiếu với cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II nhằm sáp nhập Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu trước.

Việc tiến hành phát hành cổ phiếu để thực hiện hoán đổi cổ phiếu với cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi (NLC) nhằm sáp nhập Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lơi vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn sẽ được thực hiện ngay khi đủ điều kiện phát hành theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan chức năng liên quan (UBCK NN, Bộ Tài chính, ...), và thực hiện trong vòng 12 tháng kể từ khi Công ty nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho đợt phát hành 5.120.000 cổ phiếu nói trên.

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH

TỔ CHỨC ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH/ TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 6868 Fax: (84-4) 3772 6131

Chi nhánh Hồ Chí Minh: Lầu 2, tòa nhà Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, HCM

Điện thoại: (84-8) 3823 3923 Fax: (84.8). 3827 7380

Website: www.kls.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CTCP THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84.4.8241990/1 **Fax:** 84.4.8253973

Website: www.aasc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CTCP THỦY ĐIỆN RY NINH II

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Trụ sở chính: Số 3, Ngõ 1295 Đường Giải Phóng, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: 0439 745 080/81/82 **Fax:** 0439 745 083

Website: www.cpahanoi.com

X. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
3. **Phụ lục III:** Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán
4. **Phụ lục IV:** Các báo cáo tài chính
5. **Phụ lục V:** Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong bản cáo bạch và các tài liệu pháp lý của dự án đầu tư *(nếu có)*
6. **Các phụ lục khác** *(nếu có)*